



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Xã Điền Hương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý.....	4
2. Đặc điểm địa hình.....	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	5
5. Phân bố dân cư, dân số.....	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	Error! Bookmark not defined.
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	7
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1. Lịch sử thiên tai.....	7
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH.....	8
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	9
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	Error! Bookmark not defined.
5. Hạ tầng công cộng.....	9
a) Điện	9
b) Đường và cầu cống	Error!
Bookmark not defined.	
c) Trường	10
d) Cơ sở Y tế	11
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	11
f) Chợ	12
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè).....	12
7. Nhà ở.....	12
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	13
9. Hiện trạng diềuch bệnh phổ biến.....	13
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	14
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	16
13. Phòng chống thiên tai/TÝBĐKH.....	16
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	17
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TÝBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ).....	17
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	19
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	19
2. Hạ tầng công cộng.....	26
3. Công trình thủy lợi.....	29
4. Nhà ở.....	31
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	34

6.	Y tế và quản lý dịch bệnh.....	38
7.	Giáo dục	42
8.	Rừng.....	46
9.	Trồng trọt	48
10.	Chăn nuôi	52
11.	Thủy Sản	56
12.	Du lịch.....	58
13.	Buôn bán và dịch vụ khác	58
14.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	61
15.	Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	64
16.	Giới trong PCTT và BĐKH	67
17.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	69
D.	Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	69
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	69
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	74
3.	Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	Error! Bookmark not defined.
4.	Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	Error! Bookmark not defined.
E.	Phụ lục	83
1.	Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	Error! Bookmark not defined.
2.	Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	84
3.	Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	84
	Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	84

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Xã Điền Hương nằm về phía Đông bắc của huyện Phong Điền, cách thị trấn Phong Điền khoảng 20 Km: Phía Đông giáp với xã Điền Môn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế; Phía Tây giáp xã Hải Dương, Hải Lăng, Quảng Trị; Phía Nam giáp sông Ô Lâu, xã Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế; Phía Bắc giáp biển Đông và xã Hải Khê, Hải Lăng, Quảng Trị.

2. Đặc điểm địa hình

Điền Hương là vùng đất đồng bằng ven biển, thấp trũng thuộc hạ lưu sông Ô Lâu. Do vậy, hàng năm Điền Hương chịu các tác động của thiên nhiên như: Bão, lũ, rét đậm, rét hại, ngập úng, nắng hạn kéo dài gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Là xã ven biển, thuộc lưu vực sông Ô Lâu; Xã gồm 4 thôn:

- Trung Đồng (ven biển);
- Thôn Thanh Hương Đông;
- Thôn Thanh Hương Tây;
- Thôn Thanh Hương Lâm.

Được chia làm 2 khu vực: Khu vực đồng trũng các thôn: Thanh Hương Tây, Thanh Hương Đông, thường bị ảnh hưởng nhiều khi lũ, lụt xảy ra; Thôn Thanh Hương Lâm, Trung Đồng bị ảnh hưởng nhiều khi có bão xảy ra.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25.1°C	10	Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41.3°C	6,7,8	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C

3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	12.2°C	11 – 01	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa trung bình	mm	2624,3 mm		Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật.

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật.

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Thanh Hương Tây	324	36	1285	656	625	34	17
2	Thanh Hương Đông	176	46	522	307	215	26	27

3	Thanh Hương Lâm	216	32	915	460	555	32	16
4	Trung Đồng	97	14	378	165	213	7	2
Tổng số		813	128	3100	1588	1608	99	62

6. Hiện trạng sử dụng đất đai:

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.717,92
1	Nhóm đất Nông nghiệp	982,92
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	302,65
1.1.1	Đất lúa nước	171,60
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	71,61
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	59,45
1.2	Diện tích đất Lâm nghiệp	405,07
1.2.1	Đất rừng sản xuất	212,91
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	192,16
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	274,54
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	7,99
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	266,55
1.4	Đất làm muối	

1.5	Diện tích đất nông nghiệp khác <i>(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)</i>	0,66
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	369,91
3	Diện tích đất chưa Sử dụng	365,09
	Số % nữ cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp - Đất ở	96% 91%

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	60	608	2.3 tấn	60%
2	Chăn nuôi	15	445	3.5 triệu/hộ	50%
3	Nuôi trồng thủy sản	5	54	11.5 tấn (ha)	10%
4	Đánh bắt hải sản	5	25	2(tấn)	0
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	5	114	8 (triệu VND/năm)	10%
6	Buôn bán	5	89	16 (triệu VND/năm)	80%
7	Du lịch	0	120	(triệu VND/năm)	0
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	5	120	36 (triệu VND/năm)	70%

B.Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
					Nam	Nữ
9/2017	Lụt	4/4 thôn	-Thanh Hương	1. Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				2. Số người bị thương:	0	0

		Đông -Thanh Hương Tây -Thanh Hương Lâm	3. Số nhà bị thiệt hại: (ngập)	38	14			
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0	0			
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	0			
			6. Số km đường bị thiệt hại:	120				
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	0			
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	26ha				
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	0			
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	0			
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	0			
			1. Các thiệt hại khác...: gia cầm	10.000 con				
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	0,7tỷ				
			<i>Ghi chú khác</i>					

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

TT	Loại thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thôn Trung Đông	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Thanh Hương Tây	Cao	Tăng	Cao
		Thanh Hương Đông	Cao	Tăng	Cao
		Thanh Hương Lâm	Cao	Tăng	Cao
2	Lũ lụt	Thanh Hương Đông	Cao	Tăng	Trung bình
		Thanh Hương Tây	Cao	Tăng	Trung bình
		Thanh Hương Lâm	Trung bình	Tăng	Trung bình
3	Hạn Hán	3/4 thôn	Trung bình	Tăng	Cao
4	Ngập lụt do nước dâng do bão	Thôn Trung Đông	Trung Bình	Tăng	Cao

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Thanh Hương Tây	36	52	93	156	6	72	96	22	40	1	4	36	60		
2	Thanh Hương Đông	24	41	80	128	03	62	94	18	39	1	3	34	50		
3	Thanh Hương Lâm	16	34	47	98	07	41	79	17	26		2	41	63		
4	Trung Đông	26	49	40	82	03	08	10	4	11	1	2	10	14		
5	Tổng cộng	102	176	260	464	19	183	279	61	116	3	11	121	187		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện :

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
	Cột điện	04		Cột	648	

Dây điện	04		Km	32,41	Từ công tơ đến hộ gia đình không đảm bảo an toàn
Trạm điện	04		Trạm	12	
<i>Ghi chú khác: Đường dây điện còn chưa đảm bảo an toàn</i>					

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Đường						
	Đường quốc lộ	-Thanh Hương Tây, - Thanh Hương Đông		Km	4,33		
	Đường tỉnh/huyện	-Thanh Hương Tây, -Thanh Hương Đông		Km		3.2	
	Đường xã	4/4		Km		14,63	
	Đường thôn, xóm	4/4 thôn		Km		15,02	11,61
	Đường nội đồng	Thanh Hương Đông, Thanh Hương Tây		Km			9,385
2	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			Cái	16		
	Cống giao thông			Cái	123		
<i>Ghi chú khác: Đường quốc lộ, liên tỉnh, liên xã đã được nhựa và bê tông.</i>							
<i>Hướng dẫn điện</i>							

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Mầm non cơ sở chính	Thanh Hương Đông	2002	08	x		

²Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

	Mầm non cơ sở 2	Thanh Hương Lâm	2005	06	x		
	Trường Tiểu học (Cơ sở chính)	Thanh Hương Tây	2002	14	x		
	Trường Tiểu học (Cơ sở 2)	Thanh Hương Lâm	2003	02	x		
	Trường THCS	Không có					
<i>Ghi chú khác: Không có trường THCS học sinh phải đi học tại xã Diên Môn cách trung tâm xã Diên Hương 3km.</i>							

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ³	0	0	0	0			
	Trạm y tế	Thanh Hương Đông	2008	7	10	x		
	Cơ sở khám			0	0			
<i>Ghi chú khác: Khám chữa các bệnh thông thường theo bảo hiểm y tế; 100% người dân tham gia BHYT</i>								

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Thanh Hương Tây	2001	Phòng	24		
2	Nhà văn hóa xã	Thanh Hương Tây	2017	Cái	01		
3	Nhà văn hóa thôn	-Thanh Hương Đông; Thôn Trung Đồng	2011	Cái		03	
<i>Ghi chú khác: Nhà văn hóa 2/4 thôn có nhà Văn hóa nhưng xuống cấp không an toàn khi thiên tai xảy ra. 02 thôn chưa có nhà văn hóa: Thanh Hương Tây, Thanh Hương Lâm</i>							

³Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ xã	Thanh Hương Tây	1995	01 Cái		x	
	Chợ tạm/chợ cóc	0		Cái			
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	km	2012	2		0.7
2	Kè	Km		0	0	0
3	Kênh mương	Km	1096 2017	5,6		10,43
4	Cống thủy lợi	Cái	1096 2017		15	
6	Đập thủy lợi	Cái	0			
6	Trạm bơm	Cái	1996 2017	04	01	
Ghi chú khác: 2,7 km đê sông ô lấu. Trong đó 2km được kè kiên cố, 0,7km chưa được kè; 03 km đê cát chưa được kè kiên cố.						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Thanh Hương Tây	268	23	241	06	0
2	Thanh Hương Đông	150	02	143	06	0

3	Thanh Hương Lâm	216	130	72	14	0
4	Trung Đồng	97	0	52	0	0
	Tổng	731	155	509	26	0
<i>Ghi chú khác: Thôn trung đồng Tổng số hộ 97 hộ nhưng chỉ có 52 nóc nhà (một nhà có 02 hộ)</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Thanh Hương Tây	268	01	268	0	0	0	267	01	0
2	Thanh Hương Đông	150	03	147	0	0	0	143	07	0
3	Thanh Hương Lâm	216	04	212	0	0	0	204	05	07
4	Trung Đồng	97	52	0	0	0	0	51	0	01
	Tổng	731	60	631	0	0	0	665	13	8
<i>Ghi chú khác: Thôn Trung Đồng chưa có nước máy vì khoảng cách thôn về trung tâm xã 6km, đầu tư cao nên chưa được làm hệ thống nước sạch, các hộ đang sử dụng giếng khoan.</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	94	0	0	344	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa	0	0	0	0	0

	(thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)					
	Tổng cộng	94	0	0	344	0
<i>Ghi chú khác</i>						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T	T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1		Rừng ngập mặn	0						
2		Rừng trên cát	2001-2010	4/4 thôn	220,6	100%			133,9
3		Rừng tự nhiên			96,4	100%			
4		Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	0						
5		Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	0						
6		Rừng khác	0						
		Tổng		04	317,0	100			133,9

Ghi chú khác: Năm 2017 dự án trồng rừng chống chịu với BĐKH do chi cục Lâm nghiệp –TTH. Trồng 22,9ha cây tràm uc, đến nay tỷ lệ sống trên 50% đang phát triển tốt (diện tích đất phù hợp để trồng loại cây này khoảng 2km dọc sông Ô Lâu).

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

T	T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
							Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
1		Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	3/4 thôn	634	60%	Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, chuyên canh các loại cây trồng thích ứng với thời tiết khí hậu sản	giảm thiệt hại đến mức tối đa còn khoảng 20%

2	<p>Chăn nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc - Gia cầm 	Con	4/4	559	50%	<p>xuất theo hướng an toàn thực phẩm, sản xuất theo hướng hàng hóa.</p> <p>Phát triển theo hướng gia trại, trang trại, kết hợp với đảm bảo vệ sinh môi trường.; tập trung đầu tư chất lượng con giống có năng suất, giá trị kinh tế cao đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.</p>	Giảm thiệt hại đến mức tối đa 10-20%.
3	<p>Thủy Hải Sản Đánh bắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ 	Hộ Tàu	Thôn Trung Đồng	22	0%	<p>Tạo điều kiện cho người dân vay vốn với lãi suất ưu đãi để mở rộng ngành nghề đánh bắt.</p> <p>Tăng cường phát triển khâu dịch vụ hậu cần nghề cá.</p>	Giảm thiệt hại (10%)
4	<p>Thủy hải sản Nuôi trồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi 	- Ha - Ha	Thôn Trung Đồng	54	10%	<p>Mở rộng diện tích nuôi tôm trên cát, chú trọng đầu tư con giống có chất lượng, phòng ngừa dịch bệnh, xử lý môi trường, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm. Thành lập HTX nuôi trồng thủy hải sản.</p>	Giảm mức thiệt hại từ 10-20%
5	<p>Du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống 	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		0	0	Không có	
6	Buôn bán và dịch vụ khác		4/4 thôn Tập trung chủ yếu Thanh Hương	120	80%	<p>Tập trung đầu tư, phát triển, mở rộng các ngành nghề, dịch vụ. Ưu tiên cho vay vốn đối với các hộ kinh doanh có nhu cầu, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động.</p>	30%

			tây			
Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.						

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

T T	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	97	04
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	97	04
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	34	04
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	04
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	00	00
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ		
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	446	04
Ghi chú khác				

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BDKH hàng năm	Thôn	0	Các thôn thực hiện theo KH của xã
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	02	
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	01	2013 do CTĐ hỗ trợ từ dự án của CTĐ Đức
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	24	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	03	Hậu cần

	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người		
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	60	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	04	Sơ cấp cứu
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	02	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	10	Hợp đồng với các hộ gia đình
	- Áo phao	Chiếc	30	
	- Loa	Chiếc	34	
	- Đèn pin	Chiếc	50	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	Trong các hộ dân 6 cái
	- Lều bạt	Chiếc	01	
	- Xe vận tải	Chiếc	18	Xã Hợp đồng 05 cái
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	05 kg clorminB	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	22-25 cơ số.	
10	Khác....			
<i>Ghi chú khác: Lương thực, thực phẩm ký hợp đồng với các đại lý, cửa hàng khi cần sử dụng</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác : Không

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thanh Hương Tây	Thanh Hương Đông	Thanh Hương Lâm	Trung Đông	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	<i>Trung bình</i> 50% dân có kiến thức	<i>Thấp</i> 40% dân có kiến thức	<i>Thấp</i> 25% dân có kiến thức	<i>Thấp</i> 25% dân có kiến thức	Trung bình
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng					
	- Điện	Thấp 50%	Thấp 50%	Thấp 50%	Thấp 50%	Trung bình
	- Đường và cầu cống	Tốt 70%	Tốt 70%	Tốt 70%	Tốt 70%	Trung bình
	- Trường	Tốt 90%	Tốt 90%	Tốt 90%		Cao
	- Trạm	Tốt	Tốt 80%			Cao
	- Trụ sở UBND, - Nhà Văn hóa thôn.	60% Thấp				Trung bình Thấp
	- Chợ	Trung bình 60%				Trung bình
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	60% công trình	60% công trình			Trung bình
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	30%	30%	30%	40%	Thấp
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	40% hộ dân	40% hộ dân	40% hộ dân	40% hộ dân	Thấp
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	40%	80% 40%	40%	40%	Cao Trung bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý - Rừng phòng hộ - Rừng sản xuất	90%	90%	90%	90%	Cao

		90%	90%	90%	90%	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	35%	25%	10%	5%	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	50%	50%	50%	50%	Trung bình
Khả năng của thôn: (Cao, Trung Bình, Thấp)		Trung bình	Trung bình	Thấp	Thấp	

B. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn Thanh Hương Tây	268	<p>* Vật chất (VC)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có 228 nhà nằm ở vùng thấp trũng có nguy cơ cao do lũ, lụt; - Có 3,5 km đường 49B ngập sâu trong nước, đường giao thông liên chưa được kiên cố; Nhà ở bán kiên cố 241, nhà thiếu kiên cố 6; -50% hộ dân đường dây điện từ công tơ vào hộ gia đình còn thấp, không đảm bảo an toàn; -Số đối tượng dễ bị tổn thương 414 người (nữ : 266) -Phụ nữ đơn Thân 36 -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 40 <p>*Tổ chức xã hội (TCXH):</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; -Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà, thiếu nhân lực cứu hộ cứu nạn ; -Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT; <p>*Nhận thức kinh nghiệm: (NTKN):</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% người dân không biết bơi 	<p>*Vật chất (VC)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thôn có 23 nhà kiên cố, trường tiểu học cơ sở chính có 24 phòng làm nơi trú ẩn khi có thiên tai -Có hệ thống điện sáng, hệ thống thông tin liên lạc thuận lợi; -Xã có Áo phao 30 cái; phao bơi 15 cái; Hộp đồng với dân 05 chiếc thuyền để sử dụng PCTT; <p>*Tổ chức xã hội: (TCXH):</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao . -Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối; -Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình. <p>*Nhận thức kinh</p>	Nguy cơ thiệt hại về người do không kịp sơ tán	- Cao

			<p>-Một số người dân chủ quan không di dời sơ tán. -50% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi bất ngờ xảy ra lúng túng trở tay không kịp. -50% người dân chủ quan thờ ơ không quan tâm đến PCTT (Phụ nữ chiếm 70%);-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; - 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời; -60% người dân chưa biết được các biểu hiện biến đổi khí hậu</p>	<p>nghiệm (NTKN): -Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai; -Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục); -30% người dân biết bơi -40% người dân biết được nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu; Thanh Hương Tây sẽ bị ngập sâu vào các khu vực của thôn;</p>		
	Thôn Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 145 hộ (Nữ làm chủ hộ 25 hộ); Nhà bán kiên cố 143, nhà thiếu kiên cố; 1,5 km đường Quốc lộ 49B chạy qua thôn thường bị ngập; -Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 50% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ; -Số đối tượng dễ bị tổn thương 358 người (nữ : 222) -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 145 hộ (Nữ chủ hộ 25 hộ) -Phụ nữ đơn thân 46; -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 70. *TCXH: -Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; -Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà; -Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT; *NTKN: -70% người dân không biết bơi -Một số người dân chủ quan</p>	<p>*VC:- Nhà kiên cố 02 nhà; có trạm y tế, trường mầm non cơ sở chính 08 phòng làm nơi sơ tán cho các hộ ở vùng nguy cơ cao trong thôn; -Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi; -Xã có Áo phao 30 cái; phao bơi 15 cái; Hợp đồng với dân 05 chiếc thuyền để sử dụng PCTT; *TCXH: -Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao . -Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai; -Lực lượng cứu hộ cứu</p>	Nguy cơ thiệt hại về người do không kịp sơ tán	- Cao

			<p>không di dời sơ tán.</p> <p>-60% người dân thiếu kiến thức về PCTT, khi bất ngờ xảy ra lúng túng trở tay không kịp. - 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương;</p> <p>- 20% hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời;</p> <p>-65% người dân chưa quan tâm, không biết các biểu hiện của BĐKH;</p>	<p>nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối;</p> <p>-Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- 40% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục);</p> <p>-30% người dân biết bơi</p> <p>-35% người dân biết được những biểu hiện của BĐKH;</p>		
Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC: -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 15 hộ (Nữ 8 chủ hộ); Nhà bán kiên cố 72, nhà thiếu kiên cố 14; Nhà văn hóa thôn nhà cấp 4;</p> <p>-Đường liên thôn chưa được kiên cố 3,431km</p> <p>-Điện: Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 50% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ không an toàn;</p> <p>-Số đối tượng dễ bị tổn thương 309 (nữ 169) người (nữ : 207);</p> <p>-Phụ nữ đơn thân 3;</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 32</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <p>-Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà, thiếu nhân lực cứu hộ cứu nạn ;</p> <p>-Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% người dân không biết bơi</p> <p>-Một số người dân chủ quan không di dời sơ tán.</p> <p>-75% người dân thiếu kiến thức</p>	<p>*VC: - Có nhà ở kiên cố: 130 nhà; Trường tiểu học, trường mầm non cơ sở 02 làm nơi trú ẩn khi có thiên tai; Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi;</p> <p>-Xã có áo phao 30 cái; phao bơi 15 cái; Hợp đồng với dân 05 chiếc thuyền để sử dụng PCTT;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao .</p> <p>-Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai;</p> <p>-Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối;</p> <p>-Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình;</p>	Nguy cơ thiệt hại về người do không kịp sơ tán	- Trung bình	

			<p>về PCTT, khi thiên tai xảy ra lúng túng</p> <p>-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời.</p>	<p>*NTKN:</p> <p>- 25% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)</p> <p>-30% người dân biết bơi</p>		
Trung Đòng	97	<p>*VC: - 97/97 hộ có nguy cơ cao do bão (ven biển); 52 nhà bán kiên cố không an toàn khi có bão.Xa trung tâm xã 6km</p> <p>-Số đối tượng dễ bị tổn thương 171 người (nữ : 92);</p> <p>-Phụ nữ đơn Thân 12</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 15</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <p>-Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà;</p> <p>-Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-50% người dân không biết bơi</p> <p>-Một số người dân chủ quan không di dời sơ tán.</p> <p>-75% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi thiên tai xảy ra lúng túng</p> <p>-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời</p>	<p>*VC:</p> <p>-Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi;</p> <p>-Xã có Áo phao 30 cái; phao bơi 15 cái; HỘp đồng với dân 05 chiếc thuyền để sử dụng PCTT;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao .</p> <p>-Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai;</p> <p>-Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối;</p> <p>-Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- 25% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)</p> <p>-50% người dân biết bơi</p>	<p>Nguy cơ thiệt hại về người do không kịp sơ tán</p>	<p>Trung bình</p>	
Bão	Thanh	268	* Vật chất (VC)	*Vật chất (VC)	Người có	Trung

Hương Tây		<p>-Có 228 nhà nằm ở vùng thấp trũng có nguy cơ cao do lũ, lụt; - Có 3,5 km đường 49B ngập sâu trong nước, đường giao thông liên chưa được kiên cố; Nhà ở bán kiên cố 241, nhà thiếu kiên cố 6; -50% hộ dân đường dây điện từ công tơ vào hộ gia đình còn thấp, không đảm bảo an toàn; -Số đối tượng dễ bị tổn thương 414 người (nữ : 266) -Phụ nữ đơn Thân 36 -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 40 *Tổ chức xã hội (TCXH): -Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; -Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà; -Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT; *Nhận thức kinh nghiệm (NTKN): -70% người dân không biết bơi -Một số người dân chủ quan không di dời sơ tán. -50% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi bất ngờ xảy ra lúng túng trở tay không kịp. -50% người dân chủ quan thờ ơ không quan tâm đến PCTT (Phụ nữ chiếm 70%);-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời</p>	<p>-Thôn có 23 nhà kiên cố, trường tiểu học cơ sở chính có 24 phòng làm nơi trú ẩn khi có thiên tai -Có hệ thống điện sáng, hệ thống thông tin liên lạc thuận lợi; *Tổ chức xã hội (TCXH): -Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao . -Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối; -Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình *Nhận thức kinh nghiệm (NTKN): -Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai; -Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục); -30% người dân biết bơi</p>	nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra với tác động của BĐKH.	Bình
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 145 hộ (Nữ làm chủ hộ 25 hộ); Nhà bán kiên cố 143, nhà thiếu kiên cố; 1,5 km đường Quốc lộ 49B chạy qua thôn thường bị ngập; -Đường điện từ công tơ về các</p>	<p>*VC: - Nhà kiên cố 02 nhà; có trạm y tế, trường mầm non cơ sở chính 08 phòng làm nơi sơ tán cho các hộ ở vùng nguy cơ cao trong thôn;</p>	Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra với tác động	Trung Bình

			<p>hộ còn thấp, cột điện 50% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ; -Số đối tượng dễ bị tổn thương 358 người (nữ : 222) -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 145 hộ (Nữ chủ hộ 25 hộ) -Phụ nữ đơn Thân 46 -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 70. *TCXH: -Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; -Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà; -Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT; *NTKN: -70% người dân không biết bơi -Một số người dân chủ quan không di dời sơ tán. -60% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi bất ngờ xảy ra lúng túng trở tay không kịp. - 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; - 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời</p>	<p>-Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi; *TCXH: -Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao . -Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai; -Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối; -Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình; *NTKN: - 40% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục); -30% người dân biết bơi</p>	<p>của BDKH.</p>	
Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC: -Số hộ ở vùng nguy cơ cao do lũ, lụt 15 hộ (Nữ 8 chủ hộ); Nhà bán kiên cố 72, nhà thiếu kiên cố 14; Nhà văn hóa thôn nhà cấp 4; -Đường liên thôn chưa được kiên cố 3,431km -Điện: Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 50% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ không an toàn; -Số đối tượng dễ bị tổn thương 309 (nữ 169) người (nữ : 207)</p>	<p>*VC: Có nhà ở kiên cố: 130 nhà; Trường tiểu học, trường mầm non cơ sở 02 làm nơi trú ẩn khi có thiên tai; Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi; *TCXH: -Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách</p>	<p>Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra với tác động của BDKH.</p>	Cao	

			<p>-Phụ nữ đơn thân 3</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 32</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <p>-Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà;</p> <p>-Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% người dân không biết bơi</p> <p>-Một số người dân chủ quan không đi dời sơ tán.</p> <p>-75% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi thiên tai xảy ra lúng túng</p> <p>-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 20%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời</p>	<p>nhiệm cao .</p> <p>-Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai;</p> <p>-Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối;</p> <p>-Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- 25% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)</p> <p>-30% người dân biết bơi</p>		
Trung Đòng	97	<p>*VC: -97/97 hộ có nguy cơ cao do bão (ven biển); 52 nhà bán kiên cố không an toàn khi có bão.Xa trung tâm xã 6km</p> <p>-Số đối tượng dễ bị tổn thương 171 người (nữ : 92);</p> <p>-Phụ nữ đơn Thân 12</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 15</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <p>-Một số thành viên thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà;</p> <p>-Thôn không có phương tiện cứu hộ cứu nạn, không có các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tham gia PCTT;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-50% người dân không biết bơi</p> <p>-Một số người dân chủ quan không đi dời sơ tán.</p>	<p>*VC:</p> <p>-Có hệ thống đường điện chiếu sáng, thông tin liên lạc thuận lợi;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm có xây dựng kế hoạch PCTT, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Trục PCTT 24/24, có tinh thần trách nhiệm cao .</p> <p>-Người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo từ phía chính quyền địa phương khi có cảnh báo về diễn biến của thiên tai;</p> <p>-Lực lượng cứu hộ cứu nạn có kỹ năng bơi và kinh nghiệm cứu đuối;</p> <p>-Thành viên BCHPCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình;</p>	Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra với tác động của BĐKH.	Cao	

			<p>-75% người dân Thiếu kiến thức về PCTT, khi thiên tai xảy ra lúng túng</p> <p>-90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 20% hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm cần thiết khi đi di dời;</p>	<p>*NTKN:</p> <p>- 25% hộ dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)</p> <p>-50% người dân biết bơi</p> <p>-75% hộ dân biết được bão ngày càng gia tăng và thôn Trung Đồng bị ảnh hưởng nặng nhất do bão</p>		
....	<p>Ghi chú khác: Thôn Trung Đồng là thôn ven biển, ít bị ảnh hưởng do lụt nhưng thường xuyên bị ảnh hưởng do bão; thôn cách xa trung tâm xã khoảng 6km; Có 02 thôn: Thanh Hương Đông và Thanh Hương Tây vùng trũng bị ảnh hưởng nhiều khi lũ lụt xảy ra; Thôn Trung Đồng, thôn Thanh Hương Lâm thường bị ảnh hưởng nhiều khi có bão; Phụ nữ không tham gia đánh bắt, chỉ có 10% phụ nữ tham gia nuôi trồng thủy sản, không có nguồn thu nhập khác (Ngoài số ít hộ buôn bán nhỏ) vì vậy thu nhập đa số các hộ phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình thu nhập thấp; 60% người dân nhận biết được những biểu hiện của biến đổi khí hậu: Nắng nóng kéo dài nhiệt độ tăng cao, thiên tai cực đoan hơn không theo quy luật như trước đây... Nhưng kiến thức về những việc cần làm giảm tác động của biến đổi khí hậu, thích ứng với BĐKH thì đa số người dân chưa biết vì vậy những rủi ro Thiên tai, BĐKH là rất cao.</p>					

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình thiên tai/BĐKH	Tên thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ, Lụt, bão	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: Đường quốc lộ 49B khoảng 3,5km thấp trũng dễ bị ngập khi có lụt (ngập sâu 1-1,5m).</p> <p>-Đường giao thông nội thôn chưa được kiên cố hóa 2,721km</p> <p>- Điện : Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 65% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ</p> <p>*TCXH:- Công tác duy tu bảo dưỡng không được thực hiện thường xuyên;</p> <p>-Kinh phí bảo dưỡng các</p>	<p>*VC:Đường giao thông;</p> <p>-Đường Quốc lộ 49B chạy qua thôn đã được rải nhựa.</p> <p>-Đường liên xã chạy qua thôn đã được kiên cố hóa</p> <p>-Đường giao thông liên thôn đã được kiên cố 3,965 km đã được rải nhựa</p> <p>* Điện: 8,2km Đường dây điện, cột điện kiên cố.</p>	<p>-2,721 Km Đường giao thông trong thôn bị hư hỏng khi lụt xảy ra.</p> <p>-3,5km đường quốc lộ 49B mất an toàn khi thiên tai xảy ra.</p>	- Cao

			<p>công trình công cộng của xã không có;</p> <p>-Đường giao thông liên thôn mặt đường 3,5 mét hẹp.</p> <p>-80% đường giao thông hệ thống thoát nước chưa đảm bảo gây ngập úng.</p> <p>-Các công trình công cộng khi thiết kế, xây dựng chưa quan tâm đến người khuyết tật; công trình phụ chưa đảm bảo khi di dời sơ tán đến</p> <p>*NTKN: Ý thức bảo vệ các công trình công cộng của người dân còn hạn chế; Một số hộ kinh doanh còn lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;</p> <p>-Các hộ chưa tự giác đóng góp đầu tư đường dây điện từ công tơ vào nhà</p>	<p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm địa phương được hỗ trợ KP từ nhà nước, vận động các nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa các công trình công cộng.</p> <p>-Xã có 01 cán bộ giao thông thủy lợi được đào tạo.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông liên thôn, có ý thức bảo vệ các công trình công cộng;</p> <p>-Một số người dân biết được đường tránh lũ của địa phương;</p>		
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Đường quốc lộ 49 B chạy qua thôn 1,5 km</p> <p>- Đường giao thông:</p> <p>-Đường liên thôn chưa được kiên cố 2,168km</p> <p>- Điện : Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 65% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ</p> <p>*TCXH: - Công tác duy tu bảo dưỡng không được thực hiện thường xuyên;</p> <p>-Kinh phí bảo dưỡng các công trình công cộng của xã không có;</p> <p>-Đường giao thông liên thôn mặt đường 3,5 mét hẹp.</p> <p>-80% đường giao thông hệ thống thoát nước chưa đảm bảo gây ngập úng.</p> <p>-Các công trình công cộng khi thiết kế, xây dựng chưa quan tâm đến người khuyết tật; công trình phụ chưa đảm bảo khi di dời sơ tán đến</p> <p>*NTKN: Ý thức bảo vệ các công trình công cộng của người dân còn hạn</p>	<p>*VC: Đường: Đường giao thông đã được kiên cố 2,065 km</p> <p>- Điện: 7,9 km Đường dây điện, cột điện kiên cố.</p> <p>-Trụ sở UBND xã: gồm 3 dãy 24 phòng kiên cố để làm nơi trú ẩn an toàn; 01 nhà văn hóa xã</p> <p>-Trường: mầm non cơ sở chính 08 phòng 2 tầng, đã kiên cố hóa</p> <p>-Trường tiểu học cơ sở chính 14 phòng đã được kiên cố hóa</p> <p>- Trạm y tế: 02 tầng gồm 10 phòng; có 7 giường.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm địa phương được hỗ trợ KP từ nhà nước, vận động các nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa các công trình công cộng.</p> <p>-Xã có 01 cán bộ giao thông thủy lợi được</p>	-2,168 km Đường giao thông bị hư hỏng, sạt lở khi thiên tai xảy ra	-1,5 km đường quốc lộ 49B mất an toàn khi thiên tai xảy ra	Cao

			<p>ché; Một số hộ kinh doanh còn lán chiếm hành lang an toàn giao thông;</p> <p>-Các hộ chưa tự giác đóng góp đầu tư đường dây điện từ công tơ vào nhà</p>	<p>đào tạo.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông liên thôn, có ý thức bảo vệ các công trình công cộng;</p>		
Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC: Đường: Đường liên thôn chưa được kiên cố 3,431km</p> <p>-Điện Đường điện từ công tơ về các hộ còn thấp, cột điện 65% hộ còn sử dụng cột điện tạm bợ</p> <p>*TCXH: - Công tác duy tu bảo dưỡng không được thực hiện thường xuyên;</p> <p>-Kinh phí bảo dưỡng các công trình công cộng của xã không có;</p> <p>-Đường giao thông liên thôn mặt đường 3,5 mét hẹp.</p> <p>-80% đường giao thông hệ thống thoát nước chưa đảm bảo gây ngập úng.</p> <p>-Các công trình công cộng khi thiết kế, xây dựng chưa quan tâm đến người khuyết tật; công trình phụ chưa đảm bảo khi di dời sơ tán đến</p> <p>*NTKN: Ý thức bảo vệ các công trình công cộng của người dân còn hạn chế; Một số hộ kinh doanh còn lán chiếm hành lang an toàn giao thông;</p> <p>-Các hộ chưa tự giác đóng góp đầu tư đường dây điện từ công tơ vào nhà</p>	<p>*VC: Đường: 9,0km Đường giao thông đã được kiên cố 2,055km</p> <p>-Điện: Đường dây điện, cột điện kiên cố.</p> <p>-Trường mầm non cơ sở 2 06 phòng 02 tầng đã kiên cố hóa</p> <p>-Trường tiểu học cơ sở 2 có 2 phòng (1 tầng) đã được kiên cố hóa;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hàng năm địa phương được hỗ trợ KP từ nhà nước, vận động các nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa các công trình công cộng.</p> <p>-Xã có 01 cán bộ giao thông thủy lợi được đào tạo.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông liên thôn, có ý thức bảo vệ các công trình công cộng</p>	-3,431 km Đường giao thông nội thôn bị hư hỏng, sạt lở khi thiên tai xảy ra	Trung bình	
Trung Đồng	97	<p>*VC: -Đường liên thôn chưa được kiên cố 1,015 km.</p> <p>-4 đập tràn nội thôn nước dâng lên cao.</p> <p>*TCXH: - Công tác duy tu bảo dưỡng không được thực hiện thường xuyên;</p>	<p>* VC; Đường giao thông nội thôn chưa được kiên cố 3,535</p> <p>*Điện: * 7,31 km Điện: Đường dây điện, cột điện về đến các hộ đều kiên cố</p> <p>*TCXH:</p>	-1,015 km đường giao thông nội thôn bị hư hỏng, sạt lở khi thiên tai xảy ra; -04 đập tràn mất an toàn khi	Trung bình	

			<p>-Kinh phí bảo dưỡng các công trình công cộng của xã không có;</p> <p>-Đường giao thông liên thôn mặt đường 3,5 mét hẹp.</p> <p>-80% đường giao thông hệ thống thoát nước chưa đảm bảo gây ngập úng.</p> <p>-Các công trình công cộng khi thiết kế, xây dựng chưa quan tâm đến người khuyết tật; công trình phụ chưa đảm bảo khi di dời sơ tán đến</p> <p>*NTKN: Ý thức bảo vệ các công trình công cộng của người dân còn hạn chế; Một số hộ kinh doanh còn lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;</p> <p>-Các hộ chưa tự giác đóng góp đầu tư đường dây điện từ công tơ vào nhà</p>	<p>-Hàng năm địa phương được hỗ trợ KP từ nhà nước, vận động các nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa các công trình công cộng.</p> <p>-Xã có 01 cán bộ giao thông thủy lợi được đào tạo.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông liên thôn, có ý thức bảo vệ các công trình công cộng</p>	lũ lụt xảy ra.	
--	--	--	--	---	----------------	--

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ, Lụt, bão	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: Thủy lợi: - Có 3,867km/7,027km kênh cấp 2 (nội đồng) bằng đất nằm ở vùng ngập lụt kéo dài</p> <p>- 4 con khe qua thôn (3,2km) chưa được kiên cố;</p> <p>*TCXH: - Hệ thống kênh mương chưa được đầu tư nâng cấp;</p> <p>-Chưa có hệ thống kênh mương tiêu úng;</p> <p>-Các cống rãnh, con khe không được nạo vét thường xuyên gây ứ đọng khi mưa to.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Một số hộ dân chưa tham gia đóng góp, còn</p>	<p>*VC:</p> <p>- Có 3.16 km nội đồng đã được bê tông hóa</p> <p>-Cầu giao thông: 9/9</p> <p>-Cống giao thông 95/95</p> <p>-Cống thủy lợi: 7/7 cái kiên cố</p> <p>-Đê sông Ô Lâu 2km đã kiên cố hóa;</p> <p>*TCXH: - Có sự hỗ trợ của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương;</p> <p>-Xã phân công 01 cán bộ phụ trách vận hành các máy bơm nước;</p> <p>-Xã bố trí 01 cán bộ giao thông, thủy lợi;</p> <p>-Trước mùa thiên tai thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình.</p>	Kênh nội đồng bằng đất có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp -3,2km con khe sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra	-Cao

			<p>trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước;</p> <p>-Ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi của một bộ phận hộ dân còn hạn chế;</p>	<p>-Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm xã có đưa vào KH phát triển KT-XH vận động nguồn lực;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi; Một số hộ chủ động khơi thông, nạo vét lấy nước vào ruộng canh tác.</p>		
	Thanh Hương Đông	150	<p>*VC:</p> <p>- Có -6,563km/9,097km kênh cấp 2 (nội đồng) bằng đất nằm ở vùng ngập lụt kéo dài;</p> <p>-04 con khe chạy qua thôn khoảng 4,5km chưa được kiên cố.</p> <p>-Đê sông Ô Lâu: 0,7km chưa được kiên cố hóa;</p> <p>*TCXH:</p> <p>Hệ thống kênh mương chưa được đầu tư nâng cấp;</p> <p>-Chưa có hệ thống kênh mương tiêu úng;</p> <p>-Các cống rãnh, con khe không được nạo vét thường xuyên gây ứ đọng khi mưa to.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Một số hộ dân chưa tham gia đóng góp, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước;</p> <p>-Ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi của một bộ phận hộ dân còn hạn chế;</p>	<p>*VC:- Có 2.53 km nội đồng đã được bê tông hóa</p> <p>-Cầu giao thông: 7/7 cái</p> <p>-Cống giao thông: 28/28</p> <p>-Cống thủy lợi: 8/8 cái kiên cố;</p> <p>*TCXH: có sự hỗ trợ của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương;</p> <p>-Xã phân công 01 cán bộ phụ trách vận hành các máy bơm nước;</p> <p>-Xã bố trí 01 cán bộ giao thông, thủy lợi;</p> <p>-Trước mùa thiên tai thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình.</p> <p>-Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm xã có đưa vào KH phát triển KT-XH vận động nguồn lực;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi; Một số hộ chủ động khơi thông, nạo vét lấy nước vào ruộng canh tác.</p>	<p>- Kênh nội đồng bằng đất bị sạt lở, hư hỏng vùi lấp khi lũ, lụt xảy ra.</p> <p>- 4,5km con khe bị hư hỏng sạt lở khi thiên tai xảy ra ;</p> <p>-0,7km đê sông Ô Lâu bị tràn, vỡ khi thiên tai xảy ra.</p>	Cao
	Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC:-3km đê cát chạy qua thôn chưa kiên cố;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hệ thống kênh mương chưa được đầu tư nâng cấp;</p> <p>-Chưa có hệ thống kênh mương tiêu úng;</p> <p>-Các cống rãnh, con khe không được nạo vét thường xuyên gây ứ đọng khi mưa to.</p> <p>*NTKN:</p>	<p>*VC: - Cầu giao thông: 4/4 cái đã kiên cố;</p> <p>- Cống giao thông: 21/21 kiên cố;</p> <p>- Cống thủy lợi: 5/5 cái kiên cố</p> <p>*TCXH: có sự hỗ trợ của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương;</p> <p>-Xã phân công 01 cán bộ phụ trách vận hành các máy bơm nước;</p> <p>-Xã bố trí 01 cán bộ giao</p>	<p>-3km đê cát bị sạt lở hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	Thấp

			<p>-Một số hộ dân chưa tham gia đóng góp, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; -Ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi của một bộ phận hộ dân còn hạn chế;</p>	<p>thông, thủy lợi; -Trước mùa thiên tai thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình. -Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm xã có đưa vào KH phát triển KT-XH vận động nguồn lực; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi; Một số hộ chủ động khơi thông, nạo vét lấy nước vào ruộng canh tác.</p>		
	Trung Đồng	97	<p>*VC: 02 con khe thôn Trung Đồng chưa được kiên cố gây ngập úng cục bộ khi lũ, lụt xảy ra *TCXH: -Các cống rãnh, con khe không được nạo vét thường xuyên gây ứ đọng khi mưa to. *NTKN: -Một số hộ dân chưa tham gia đóng góp, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; -Ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi của một bộ phận hộ dân còn hạn chế;</p>	<p>*VC: *TCXH: có sự hỗ trợ của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương; -Xã phân công 01 cán bộ phụ trách vận hành các máy bơm nước; -Xã bố trí 01 cán bộ giao thông, thủy lợi; -Trước mùa thiên tai thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình. -Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm xã có đưa vào KH phát triển KT-XH vận động nguồn lực; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi;</p>	2 con khe sạt, ách tắc hư hỏng khi thiên tai xảy ra	Thấp

Ghi chú khác: Các công trình thủy lợi, đường giao thông đa số nằm trong vùng trũng, thấp nên thường hay bị sạt lở hư hỏng bởi những tác động của thiên tai và BĐKH.

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ, lụt, bão	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: -Có 241 nhà bán kiên cố; 06 nhà thiếu kiên cố - Phụ nữ đơn thân 36;</p>	<p>*VC: -Có 23 nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã (24 phòng) kiên cố làm nơi trú ẩn khi có thiên</p>	05 nhà thiếu kiên cố, 240 nhà bán kiên cố có nguy	- Cao

			<p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 40</p> <p>-Thiếu nhân lực để chằng chống, gia cố nhà cửa;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thiếu nhân lực huy động hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn để gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-Ban Mặt trận thôn chưa hướng dẫn, tư vấn xây nhà an toàn cho các hộ dân thiếu năng lực;</p> <p>-Chưa được tập huấn kiến thức XD nhà an toàn;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% hộ dân còn chưa biết phương châm 4 tại chỗ trong PCTT;</p> <p>-Một số hộ dân chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-70% hộ dân chưa có kiến thức xây dựng nhà an toàn;</p> <p>-Đa số các hộ phụ nữ trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo thu nhập thấp không có KP để tu sửa nhà cửa; không có nhân lực chằng chống nhà cửa;</p>	<p>tai;</p> <p>-30% hộ dân làm nhà có gác lửng để cất đồ đạc khi có thiên tai;</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Hàng năm các Ban, ngành đoàn thể vận động mọi nguồn lực hỗ trợ các hộ xây dựng nhà.</p> <p>-Hỗ trợ xây dựng nhà ở là 01/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới;</p> <p>-Được sự hỗ trợ của nhà nước theo QĐ 48 của CP; Các chương trình mục tiêu của các tổ chức xã hội: MTTQ , Hội CTĐ Hội phụ nữ...</p> <p>-Sự vào cuộc đồng bộ của các cấp ủy, CQ và các Ban, ngành đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ, nhà hảo tâm đối với các hộ bị thiệt hại nhà ở do thiên tai.</p> <p>*NTKN: Đa số các hộ chủ động tiết kiệm chi tiêu để XD nhà ở; Chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-30% hộ có kiến thức XD nhà an toàn.</p>	<p>ơ bị hư hỏng, sập tường khi thiên tai xảy ra</p>	
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -143 nhà bán kiên cố; 06 nhà thiếu kiên cố</p> <p>-Phụ nữ đơn Thân 46</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 70</p> <p>-Thiếu nhân lực để chằng chống nhà cửa;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thiếu nhân lực huy động hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn để gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-Ban Mặt trận thôn chưa hướng dẫn, tư vấn xây nhà an toàn cho các hộ dân thiếu năng lực;</p> <p>-Chưa được tập huấn kiến thức XD nhà an toàn;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% hộ dân còn chưa biết phương châm 4 tại chỗ</p>	<p>*VC:-Nhà kiên cố 02</p> <p>-30% hộ dân làm nhà có gác lửng để cất đồ đạc khi có thiên tai;</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Hàng năm các Ban, ngành đoàn thể vận động mọi nguồn lực hỗ trợ các hộ xây dựng nhà.</p> <p>-Hỗ trợ xây dựng nhà ở là 01/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới;</p> <p>-Được sự hỗ trợ của nhà nước theo QĐ 48 của CP; Các chương trình mục tiêu của các tổ chức xã hội: MTTQ , Hội CTĐ. Hội phụ nữ...</p> <p>-Sự vào cuộc đồng bộ của các cấp ủy, CQ và các Ban, ngành đoàn thể,</p>	<p>03 nhà thiếu kiên cố, 145 nhà bán kiên cố có nguy cơ bị hư hỏng, sập tường khi thiên tai xảy ra</p>	Cao	

			<p>trong PCTT;</p> <p>-Một số hộ dân chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-70% hộ dân chưa có kiến thức xây dựng nhà an toàn;</p> <p>-Đa số các hộ phụ nữ trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo thu nhập thấp không có KP để tu sửa nhà cửa; không có nhân lực chằng chống nhà cửa;</p>	<p>các tổ chức phi chính phủ, nhà hảo tâm đối với các hộ bị thiệt hại nhà ở do thiên tai.</p> <p>*NTKN: Đa số các hộ chủ động tiết kiệm chi tiêu để XD nhà ở; Chủ động chằng chống nhà cửa;</p>		
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: -72 nhà bán kiên cố; 14 nhà thiếu kiên cố</p> <p>--Phụ nữ đơn Thân 3</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 32</p> <p>-Thiếu nhân lực để chằng chống nhà cửa</p> <p>-70% hộ dân còn chưa biết phương châm 4 tại chỗ trong PCTT</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thiếu nhân lực huy động hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn để gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-Ban Mặt trận thôn chưa hướng dẫn, tư vấn xây nhà an toàn cho các hộ dân thiếu năng lực;</p> <p>-Chưa được tập huấn kiến thức XD nhà an toàn;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% hộ dân còn chưa biết phương châm 4 tại chỗ trong PCTT;</p> <p>-Một số hộ dân chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <p>-70% hộ dân chưa có kiến thức xây dựng nhà an toàn;</p> <p>-Đa số các hộ phụ nữ trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo thu nhập thấp không có KP để tu sửa nhà cửa; không có nhân lực chằng chống nhà cửa;</p>	<p>*VC: -130 nhà kiên cố -30% hộ dân làm nhà có gác lửng để cất giữ đồ đạc</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Hàng năm các Ban, ngành đoàn thể vận động mọi nguồn lực hỗ trợ các hộ xây dựng nhà.</p> <p>-Hỗ trợ xây dựng nhà ở là 01/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới;</p> <p>-Được sự hỗ trợ của nhà nước theo QĐ 48 của CP; Các chương trình mục tiêu của các tổ chức xã hội: MTTQ , Hội CTĐ Hội phụ nữ...</p> <p>-Sự vào cuộc đồng bộ của các cấp ủy, CQ và các Ban, ngành đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ, nhà hảo tâm đối với các hộ bị thiệt hại nhà ở do thiên tai.</p> <p>*NTKN: Đa số các hộ chủ động tiết kiệm chi tiêu để XD nhà ở; Chủ động chằng chống nhà cửa;</p> <p>-30% hộ có kiến thức XD nhà an toàn;</p>	<p>14 nhà thiếu kiên cố, 72 nhà bán kiên cố có nguy cơ bị hư hỏng, sập tường khi thiên tai xảy ra</p>	Trung bình	
Trung Đồng	97	<p>*VC: -52 nhà bán kiên cố</p> <p>-Phụ nữ đơn Thân 12</p> <p>-Phụ nữ làm trụ cột gia đình 15</p> <p>-Thiếu nhân lực để chằng</p>	<p>VC: 40% hộ dân xây nhà gác lửng để cất giữ đồ đạc ;</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Hàng năm các Ban,</p>	<p>52 nhà bán kiên cố có nguy cơ bị sập khi thiên tai xảy ra</p>	Thấp	

			<p>chống nhà cửa</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu nhân lực huy động hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn để gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai; -Ban Mặt trận thôn chưa hướng dẫn, tư vấn xây nhà an toàn cho các hộ dân thiếu năng lực; -Chưa được tập huấn kiến thức XD nhà an toàn; <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -80% hộ dân còn chưa biết phương châm 4 tại chỗ trong PCTT; -Một số hộ dân chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai; -70% hộ dân chưa có kiến thức xây dựng nhà an toàn; -Đa số các hộ phụ nữ trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo thu nhập thấp không có KP để tu sửa nhà cửa; không có nhân lực chằng chống nhà cửa; -Đa số các hộ dân chưa có kiến thức về xây nhà an toàn; 	<p>ngành đoàn thể vận động mọi nguồn lực hỗ trợ các hộ xây dựng nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hỗ trợ xây dựng nhà ở là 01/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới; -Được sự hỗ trợ của nhà nước theo QĐ 48 của CP; Các chương trình mục tiêu của các tổ chức xã hội: MTTQ, Hội CTĐ, Hội phụ nữ... -Sự vào cuộc đồng bộ của cấp ủy, CQ và các Ban, ngành đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ, nhà hảo tâm đối với các hộ bị thiệt hại nhà ở do thiên tai. <p>*NTKN: Đa số các hộ chủ động tiết kiệm chi tiêu để XD nhà ở; Chủ động chằng chống nhà cửa;</p> <ul style="list-style-type: none"> -30% hộ có kiến thức XD nhà an toàn; 	
--	--	--	---	---	--

Ghi chú khác: Thôn Trung Đồng không có nhà kiên cố, không có nhà tránh trú cộng đồng; (nhà văn hóa thôn cấp 4 lợp mái tôn); Kiến thức của người dân về xây dựng nhà an toàn trước thiên tai, BĐKH còn hạn chế chủ yếu là xây dựng theo kinh nghiệm, theo phong trào, tập quán tại địa phương; khi xây dựng các hộ chưa tính đến cần phải có phòng tránh bão, gác lũng để đồ đạc, thích ứng với BĐKH.

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường;

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC; 01 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ; -Khu dân cư chưa có hệ thống cống thoát nước; - Một số nơi công cộng chưa có các thùng rác. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa có biện pháp xử lý 	<p>*VC: 100% số hộ được sử dụng nước máy (do Công trình nước sạch tại xã Phong Hòa cung cấp).</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một số hộ chăn nuôi qui mô lớn làm hầm biogas -Đa số các hộ mua bồn nước, dùng qua máy lọc nước nhỏ; <p>*TCXH:</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Ô nhiễm môi trường khi thiên tai, BĐKH -Dịch bệnh có nguy cơ xảy ra với tác động 	Trung bình

			<p>triệt để các hộ gia đình không chấp hành các quy định vệ sinh môi trường;</p> <p>-Chưa có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung theo hình thức tập trung;</p> <p>-Tuyên truyền vận động các hộ dân làm hầm Bioggas, sử dụng điện năng lượng mặt trời còn hạn chế; Chưa hướng dẫn các hộ dân phân loại rác thải;</p> <p>-Công tác khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai, phát quang bụi rậm, khử độc tiêu trùng chưa được làm thường xuyên;</p> <p>-Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, BĐKH còn hạn chế.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường;</p> <p>-Đa số các hộ dân chưa biết cách xử lý xác súc vật chết</p> <p>-Còn tình trạng đốt lá cây rác thải, rơm rạ sau thu hoạch;</p> <p>- Có thùng rác, có thu gom tuy nhiên một số hộ dân còn chưa tự giác, bỏ rác, xác súc vật chết ra môi trường; Các hộ gia đình chưa phân loại được rác thải, sử dụng bao nilon một cách tràn lan.</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế;</p> <p>-Thiếu kiến thức về BĐKH;</p>	<p>-Y tế xã hỗ trợ tiêu độc khử trùng sau thiên tai;</p> <p>-Có đội thu gom rác thải 1 lần/tuần. Một số khu công cộng, trung tâm được đặt các thùng rác thuận tiện cho việc thu gom rác thải;</p> <p>-Hội Phụ nữ xã thực hiện mô hình “ 5 không 3 sạch”, xây dựng mô hình con đường tự quản do Hội Phụ nữ thực hiện;</p> <p>-Có quy định thu tiền thu gom rác thải từ các hộ gia đình;</p> <p>-Hỗ trợ một số gia đình chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- Một số hộ tự đào hố xử lý nước thải sinh hoạt để tránh ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính;</p> <p>- 100% số các hộ thực hiện tốt việc thu gom rác thải và đóng kinh phí đầy đủ.</p>	<p>của Thiên tai và BĐKH.</p>	
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -07 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ;</p> <p>-Khu dân cư chưa có hệ thống cống thoát nước;</p> <p>- Một số nơi công cộng chưa có các thùng rác.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ gia đình không chấp hành các quy định vệ sinh môi trường;</p>	<p>*VC: -100% số hộ được sử dụng nước máy (do Công trình nước sạch tại xã Phong Hòa cung cấp) .</p> <p>-Một số hộ chăn nuôi qui mô lớn làm hầm biogas;</p> <p>-Đa số các hộ mua bồn nước, dùng qua máy lọc nước nhỏ;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Y tế xã hỗ trợ tiêu độc khử trùng sau thiên tai;</p> <p>-Có đội thu gom rác thải 1</p>	<p>-Ô nhiễm môi trường khi thiên tai, BĐKH</p> <p>-Dịch bệnh có thể xảy ra sau thiên tai</p>	Cao	

			<p>-Chưa có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung theo hình thức tập trung;</p> <p>-Tuyên truyền vận động các hộ dân làm hầm Bioggas, sử dụng điện năng lượng mặt trời còn hạn chế;</p> <p>-Công tác khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai, phát quang bụi rậm, khử độc tiêu trùng chưa được làm thường xuyên;</p> <p>-Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, BDKH còn hạn chế.</p> <p>-Khu vực chợ còn chưa đảm bảo vệ sinh, một số hộ kinh doanh còn chưa chấp hành tốt công tác VSMT.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường;</p> <p>-Đa số các hộ dân chưa biết cách xử lý xác súc vật chết</p> <p>-Còn tình trạng đốt lá cây rác thải, rơm rạ sau thu hoạch;</p> <p>- Có thùng rác, có thu gom tuy nhiên một số hộ dân còn chưa tự giác, bỏ rác, xác súc vật chết ra môi trường.</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế;</p> <p>-Thiếu kiến thức về BDKH; Đa số người dân chưa biết được ô nhiễm môi trường là một trong những nguyên nhân gây nên BDKH.</p>	<p>lần/tuần. Một số khu công cộng, trung tâm được đặt các thùng rác thuận tiện cho việc thu gom rác thải;</p> <p>-Hội Phụ nữ xã thực hiện mô hình “ 5 không 3 sạch”, xây dựng mô hình con đường tự quản do Hội Phụ nữ thực hiện;</p> <p>-Có quy định thu tiền thu gom rác thải từ các hộ gia đình;</p> <p>-Hỗ trợ một số gia đình chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- Một số hộ tự đào hố xử lý nước thải sinh hoạt;</p> <p>- 100% số các hộ thực hiện tốt việc thu gom rác thải và đóng kinh phí đầy đủ.</p>		
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: -05 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm;</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ;</p> <p>-Khu dân cư chưa có hệ thống cống thoát nước;</p> <p>- Một số nơi công cộng chưa có các thùng rác.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ gia đình không chấp hành các quy định vệ sinh môi trường;</p> <p>-Chưa có quy hoạch khu</p>	<p>*VC: 100% số hộ được sử dụng nước máy (do Công trình nước sạch tại xã Phong Hòa cung cấp) .</p> <p>-Một số hộ chăn nuôi qui mô lớn làm hầm biogas;</p> <p>-Đa số các hộ mua bồn nước dự trữ nước sinh hoạt.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Y tế xã hỗ trợ tiêu độc khử trùng sau thiên tai;</p> <p>-Có đội thu gom rác thải 1 lần/tuần. Một số khu công cộng, trung tâm được đặt</p>	<p>-Ô nhiễm môi trường</p> <p>-Dịch bệnh có thể xảy ra sau thiên tai, BDKH</p>	Trung bình	

			<p>chăn nuôi tập trung theo hình thức tập trung;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tuyên truyền vận động các hộ dân làm hầm Bioggas, sử dụng điện năng lượng mặt trời cò hạn chế; -Công tác khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai, phát quang bụi rậm, khử độc tiêu trùng chưa được làm thường xuyên; -Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, BDKH còn hạn chế. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường; -Đa số các hộ dân chưa biết cách xử lý xác súc vật chết -Còn tình trạng đốt lá cây rác thải, rơm rạ sau thu hoạch; - Có thùng rác, có thu gom tuy nhiên một số hộ dân còn chưa tự giác, bỏ rác, xác súc vật chết ra môi trường. -Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế; -Thiếu kiến thức về BDKH; đa số các hộ dân đốt rơm rạ sau khi thu hoạch. 	<p>các thùng rác thuận tiện cho việc thu gom rác thải;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hội Phụ nữ xã thực hiện mô hình “ 5 không 3 sạch”, xây dựng mô hình con đường tự quản do Hội Phụ nữ thực hiện; -Có quy định thu tiền thu gom rác thải từ các hộ gia đình; -Hỗ trợ một số gia đình chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas; <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ tự đào hố nước thải sinh hoạt; - 100% số các hộ thực hiện tốt việc thu gom rác thải và đóng kinh phí đầy đủ. -Số ít người dân biết được nguyên nhân gây nên biến đổi khí hậu là do con người và do tự nhiên; 		
Trung Đồng	97	<p>*VC:97 hộ (52 nóc nhà) thôn Trung Đồng không có nước máy, sử dụng giếng nước khoan(thôn cách trung tâm xã 6km, số hộ dân ít KP đầu tư lớn nên chưa tìm được nhà đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Khu vực nuôi tôm không có hồ lắng nước xả thải, không có hệ thống cống thải trực tiếp ra biển; -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ; -Khu dân cư chưa có hệ thống cống thoát nước; - Một số nơi công cộng chưa có các thùng rác. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ gia đình không chấp hành các quy định vệ 	<p>*VC: 97 hộ tự khoan giếng để sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ mua bồn nước, dùng qua máy lọc nước nhỏ <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Y tế xã hỗ trợ tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Có đội thu gom rác thải 1 lần/tuần. Một số khu công cộng, trung tâm được đặt các thùng rác thuận tiện cho việc thu gom rác thải; -Hội Phụ nữ xã thực hiện mô hình “ 5 không 3 sạch”, xây dựng mô hình con đường tự quản do Hội Phụ nữ thực hiện; -Có quy định thu tiền thu gom rác thải từ các hộ gia đình; 	<p>-Ô nhiễm môi trường</p> <p>-Dịch bệnh có thể xảy ra sau thiên tai, BDKH</p>	Cao	

		<p>sinh môi trường;</p> <p>-Chưa có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung theo hình thức tập trung;</p> <p>-Tuyên truyền vận động các hộ dân làm hầm Biogas, sử dụng điện năng lượng mặt trời còn hạn chế;</p> <p>-Công tác khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai, phát quang bụi rậm, khử độc tiêu trùng chưa được làm thường xuyên;</p> <p>-Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, BDKH còn hạn chế.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường;</p> <p>-Đa số các hộ dân chưa biết cách xử lý xác súc vật chết</p> <p>-Còn tình trạng đốt lá cây rác thải;</p> <p>- Có thùng rác, có thu gom tuy nhiên một số hộ dân còn chưa tự giác, bỏ rác, xác súc vật chết ra môi trường.</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế;</p> <p>-Đa số các hộ dân thiếu kiến thức về BDKH biết được thu gom rác thải là bảo vệ môi trường nhưng chưa biết được giảm phát thải khí nhà kính.</p>	<p>-Hỗ trợ một số gia đình chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- Một số hộ tự đào hố nước thải sinh hoạt;</p> <p>- 100% số các hộ thực hiện tốt việc thu gom rác thải và đóng kính phí đầy đủ.</p> <p>- Đa số các hộ dân biết được lợi ích của việc thu gom rác thải là bảo vệ môi trường</p>	
--	--	--	---	--

Ghi chú khác: Công tác vệ sinh môi trường những năm gần đây được chính quyền địa phương quan tâm, tuyên truyền vận động người dân thực hiện việc thu gom rác thải, vệ sinh đường làng ngõ xóm. Tuy nhiên việc tuyên truyền kiến thức về BDKH: Nguyên nhân gây nên BDKH, những biểu hiện của BDKH, Thích ứng với BDKH những việc người dân cần làm để giảm tác động của BDKH còn hạn chế;

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn hán	Thanh Hương Tây	268	*VC: Các trang thiết bị sơ cấp cứu ở thôn còn thiếu; không có phương tiện	*VC: Có 1 y tá thôn, bản -100% người dân có bảo hiểm y tế; Có một số	Nguy cơ quản lý bệnh không kịp thời khi	Trung bình

			<p>chuyên dụng để vận chuyển bệnh nhân; Không có hóa chất tiêu độc khử trùng tại thôn; không có cơ sở thuốc PCTT;</p> <p>*TCXH: Năng lực cán bộ y tế thôn còn hạn chế; Thôn có 01 y tế thôn, phụ cấp chi trả cho cán bộ y tế thôn thấp;</p> <p>- Cán bộ y tế thôn chưa thường xuyên tập huấn về chuyên môn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ</p> <p>-Chưa có thuốc và máy móc để chữa các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo.</p> <p>-Chưa có phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng vận chuyển nạn nhân đến trạm y tế khi có thiên tai xảy ra;</p> <p>-Chưa quản lý được việc xử lý môi trường; an toàn thực phẩm các hàng quán kinh doanh ăn uống; thực phẩm, rau an toàn,</p> <p>*NTKN: -Đa số người dân không đi kiểm tra sức khỏe định kỳ (khi nào ốm mới đi khám). 70% hộ dân không có tủ thuốc gia đình.</p>	<p>trang thiết bị thuốc thông thường sơ cấp cứu cho bệnh nhân</p> <p>*TCXH: -Hàng năm trạm y tế xã tổ chức khám, cấp thuốc miễn phí cho người già, người nghèo...</p> <p>-Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia</p> <p>*NTKN:</p> <p>- 30% người dân biết sử dụng các loại cây thuốc đồng y thông thường.</p> <p>-30% hộ dân có tủ thuốc gia đình sử dụng khi cần thiết;</p> <p>-20% người dân chủ động khám sức khỏe định kỳ;</p>	<p>có dịch bệnh; Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai.</p>	
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: Các trang thiết bị sơ cấp cứu ở thôn còn thiếu; không có phương tiện chuyên dụng để vận chuyển bệnh nhân; Không có hóa chất tiêu độc khử trùng tại thôn; không có cơ sở thuốc PCTT;</p> <p>*TCXH: Năng lực cán bộ y tế thôn còn hạn chế; Thôn có 01 y tế thôn, phụ cấp chi trả cho cán bộ y tế</p>	<p>*VC: Trạm y tế nhà 2 tầng, 10 phòng, có 7 giường bệnh.</p> <p>-Trạm y tế xã đã được công nhân đạt chuẩn quốc gia năm 2010;</p> <p>-Có 01 bác sĩ đa khoa; 02 nữ hộ sinh; 02 dược sỹ trong đó có 1 cán bộ chuyên trách về dân số KHHGD, 01 đông y, có 04 y tế thôn bản; được đào tạo cơ bản.</p> <p>-Có 01 máy siêu âm, 01</p>	<p>-Nguy cơ quản lý bệnh không kịp thời khi có dịch bệnh</p> <p>Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai</p>	Trung bình	

			<p>thôn thấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn chưa thường xuyên tập huấn về chuyên môn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ - Chưa có thuốc và máy móc để chữa các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo. - Chưa có phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng vận chuyển nạn nhân đến trạm y tế khi có thiên tai xảy ra; - Chưa quản lý được việc xử lý môi trường; an toàn thực phẩm các hàng quán kinh doanh ăn uống; thực phẩm, rau an toàn, <p>*NTKN: -Phần lớn người dân không đi kiểm tra sức khỏe định kỳ (khi nào ốm mới đi khám). 70% hộ dân không có tủ thuốc gia đình.</p>	<p>máy đo điện tâm đồ, có phần mềm cung cấp bảo hiểm y tế và thuốc khám chữa bệnh; Có 02 quầy thuốc tây;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 y tá thôn, bản - 100% người dân có bảo hiểm y tế; Có một số trang thiết bị thuốc thông thường sơ cấp cứu cho bệnh nhân <p>*TCXH: -Hàng năm trạm y tế xã tổ chức khám, cấp thuốc miễn phí cho người già, người nghèo...</p> <p>-Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia</p> <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân biết sử dụng các loại cây thuốc đông y thông thường. -30% hộ dân có tủ thuốc gia đình sử dụng khi cần thiết; -20% người dân chủ động khám sức khỏe định kỳ; 		
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: Các trang thiết bị sơ cấp cứu ở thôn còn thiếu; không có phương tiện chuyên dụng để vận chuyển bệnh nhân; Không có hóa chất tiêu độc khử trùng tại thôn; không có cơ sở thuốc PCTT;</p> <p>*TCXH: Năng lực cán bộ y tế thôn còn hạn chế; Thôn có 01 y tế thôn, phụ cấp chi trả cho cán bộ y tế thôn thấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn chưa thường xuyên tập huấn về chuyên môn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ 	<p>VC:- Có 1 y tá thôn, bản -100% người dân có bảo hiểm y tế; Có một số trang thiết bị thuốc thông thường sơ cấp cứu cho bệnh nhân</p> <p>*TCXH: -Hàng năm trạm y tế xã tổ chức khám, cấp thuốc miễn phí cho người già, người nghèo...</p> <p>-Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia</p> <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân biết sử dụng các loại cây thuốc đông y thông thường. 	<ul style="list-style-type: none"> -Nguy cơ quản lý bệnh không kịp thời khi có dịch bệnh -Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai 	Trung bình	

			<p>-Chưa có thuốc và máy móc để chữa các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo.</p> <p>-Chưa có phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng vận chuyển nạn nhân đến trạm y tế khi có thiên tai xảy ra;</p> <p>-Chưa quản lý được việc xử lý môi trường; an toàn thực phẩm các hàng quán kinh doanh ăn uống; thực phẩm, rau an toàn,</p> <p>*NTKN: -Đa số người dân không đi kiểm tra sức khỏe định kỳ (khi nào ốm mới đi khám). 70% hộ dân không có tủ thuốc gia đình</p>	<p>-30% hộ dân có tủ thuốc gia đình sử dụng khi cần thiết;</p> <p>-20% người dân chủ động khám sức khỏe định kỳ;</p>		
Trung Đông	97	<p>*VC: Các trang thiết bị sơ cấp cứu ở thôn còn thiếu; không có phương tiện chuyên dụng để vận chuyển bệnh nhân; Không có hóa chất tiêu độc khử trùng tại thôn; không có cơ sở thuốc PCTT;</p> <p>*TCXH: Năng lực cán bộ y tế thôn còn hạn chế; Thôn có 01 y tế thôn, phụ cấp chi trả cho cán bộ y tế thôn thấp;</p> <p>- Cán bộ y tế thôn chưa thường xuyên tập huấn về chuyên môn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ</p> <p>-Chưa có thuốc và máy móc để chữa các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo.</p> <p>-Chưa có phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng vận chuyển nạn nhân đến trạm y tế khi có thiên tai xảy ra;</p>	<p>*VC: Có 1 y tá thôn, bản -100% người dân có bảo hiểm y tế; Có một số trang thiết bị thuốc thông thường sơ cấp cứu cho bệnh nhân</p> <p>*TCXH: -Hàng năm trạm y tế xã tổ chức khám, cấp thuốc miễn phí cho người già, người nghèo...</p> <p>-Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia</p> <p>*NTKN:</p> <p>- 30% người dân biết sử dụng các loại cây thuốc đông y thông thường.</p> <p>-30% hộ dân có tủ thuốc gia đình sử dụng khi cần thiết;</p> <p>-20% người dân chủ động khám sức khỏe định kỳ;</p>	<p>-Nguy cơ quản lý bệnh không kịp thời khi có dịch bệnh</p> <p>-Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai</p>	Trung bình	

			<p>-Chưa quản lý được việc xử lý môi trường; an toàn thực phẩm các hàng quán kinh doanh ăn uống; thực phẩm, rau an toàn,</p> <p>*NTKN: -Đa số người dân không đi kiểm tra sức khỏe định kỳ (khi nào ốm mới đi khám). 70% hộ dân không có tủ thuốc gia đình;</p> <p>Chưa có kiến thức về tác động của BĐKH đến sức khỏe con người, khả năng phòng bệnh hạn chế;</p>		
<p>....</p> <p>Ghi chú khác: Qua đánh giá cho thấy những năm gần đây do thời tiết thất thường, nhiệt độ tăng cao về mùa hè, xuống thấp về mùa đông, mưa nắng thất thường nên thường hiện các bệnh như sốt vi rút, đột quỵ ở người già, người bị mắc bệnh tim mạch</p>					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, rét hại	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: Đường đi đến các điểm trường là nằm trong vùng ngập lụt, đi lại khó khăn khi có lụt,mưa to kéo dài.</p> <p>-Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, cảnh báo sớm (bộ tăng âm loa đài di động);</p> <p>-Thiếu tài liệu truyền thông: Tờ rơi, pa nô, tranh lật;</p> <p>- Nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho các em HS;</p> <p>-Khu vệ sinh của nhà trường mới đảm bảo cho thầy và trò sinh hoạt, khi xây dựng chưa tính đến thuận lợi cho người khuyết tật;</p> <p>-Chưa có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; phương tiện truyền thông thiếu;</p> <p>-Chưa bố trí góc giảm thiểu</p>	<p>*VC: Trường tiểu học Cơ sở 1 có 14 phòng đã xây dựng kiên cố, làm nơi sơ tán cho các hộ dân;</p> <p>- Có bộ tăng âm loa đài, hệ thống mạng, máy tính kết nối mạng Internet; Có 05 áo phao.</p> <p>-Có 01 cán bộ y tế phụ trách y tế học đường và có trang bị một số thuốc sơ cấp cứu thông thường;</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm theo chỉ đạo của phòng GD& Đào tạo; Hiệu trưởng là thành viên của ban chỉ huy PCTT xã.</p> <p>-Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà</p>	<p>-Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai;</p> <p>-Nguy cơ đuối nước;</p>	Cao

			<p>rủi ro thiên tai, thiếu các tài liệu truyền thông trực quan; -Xã không có trường THCS, học sinh trong thôn phải đi học sang xã Điền Môn. *TCXH: -GV và HS chưa được tập huấn kiến thức PCTT&BĐKH. -Chưa được tham gia diễn tập PCTT; -Kinh phí hoạt động PCTT không có; -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH không được làm thường xuyên; -Giáo viên và HS chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn *NTKN: -95% học sinh không biết bơi; -Học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH;</p>	<p>trường; -Tổ chức tập huấn về vệ sinh học đường cho học sinh tiểu học; -Chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo của Phòng GD-ĐT và Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã về công tác PCTT, thông báo kịp thời đến phụ huynh và HS nghỉ học khi cần thiết. NTKN: -Giáo viên nhà trường có kinh nghiệm PCTT, có tinh thần trách nhiệm cao; -Học sinh nhà trường chấp hành và thực hiện theo hướng dẫn của thầy cô; -5% HS biết bơi; Một số phụ huynh dạy bơi cho các em; -Đa số phụ huynh đưa đón các em đi học</p>		
	Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: Đường đi đến các điểm trường là nằm trong vùng ngập lụt nên đi lại khó khăn khi có lụt, mưa to kéo dài. -Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, cảnh báo sớm (bộ tăng âm loa đài di động); -Thiếu tài liệu truyền thông: Tờ rơi, pa nô, tranh lật; - Nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho các em HS; -Khu vệ sinh của nhà trường mới đảm bảo cho thầy và trò sinh hoạt, khi xây dựng chưa tính đến thuận lợi cho người khuyết tật; -Chưa có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; phương tiện truyền thông thiếu; -Chưa bố trí góc giảm thiểu rủi ro thiên tai, thiếu các tài liệu truyền thông trực quan; -Xã không có trường THCS, học sinh trong thôn phải đi học sang xã Điền Môn. *TCXH:</p>	<p>*VC: Trường Mầm non Cơ sở 1 đã xây dựng kiên cố (8 phòng), làm nơi sơ tán cho các hộ dân; - Có bộ tăng âm loa đài, hệ thống mạng, máy tính kết nối mạng Internet; Có 05 áo phao. -Có 01 cán bộ y tế phụ trách y tế học đường và có trang bị một số thuốc sơ cấp cứu thông thường; *TCXH: - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm theo chỉ đạo của phòng GD& Đào tạo; Hiệu trưởng là thành viên của ban chỉ huy PCTT xã. -Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà trường; -Tổ chức tập huấn về vệ sinh học đường cho học sinh tiểu học; -Chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo của Phòng GD-ĐT</p>	<p>-Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai; -Nguy cơ đuối nước;</p>	Cao

			<p>-GV và HS chưa được tập huấn kiến thức PCTT&BĐKH.</p> <p>-Chưa được tham gia diễn tập PCTT;</p> <p>-Kinh phí hoạt động PCTT không có;</p> <p>-Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH không được làm thường xuyên;</p> <p>-Giáo viên và HS chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn</p> <p>*NTKN:</p> <p>-95% học sinh không biết bơi;</p> <p>-Học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH;</p> <p>-Các bậc phụ huynh chưa có ý thức tự tập bơi cho các em.</p>	<p>và Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã về công tác PCTT, thông báo kịp thời đến phụ huynh và HS nghỉ học khi cần thiết</p> <p>NTKN:</p> <p>-Giáo viên nhà trường có kinh nghiệm PCTT, có tinh thần trách nhiệm cao;</p> <p>-Học sinh nhà trường chấp hành và thực hiện theo hướng dẫn của thầy cô;</p> <p>-5% HS biết bơi; Một số phụ huynh dạy bơi cho các em;</p> <p>-Đa số phụ huynh đưa đón các em đi học</p>		
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: Đường đi đến các điểm trường là nằm trong vùng ngập lụt nên đi lại khó khăn khi có lụt, mưa to kéo dài.</p> <p>-Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, cảnh báo sớm (bộ tăng âm loa đài di động);</p> <p>-Thiếu tài liệu truyền thông: Tờ rơi, pa nô, tranh lật;</p> <p>- Nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho các em HS;</p> <p>-Khu vệ sinh của nhà trường mới đảm bảo cho thầy và trò sinh hoạt, khi xây dựng chưa tính đến thuận lợi cho người khuyết tật;</p> <p>-Chưa có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; phương tiện truyền thông thiếu;</p> <p>-Chưa bố trí góc giảm thiểu rủi ro thiên tai, thiếu các tài liệu truyền thông trực quan;</p> <p>-Xã không có trường THCS, học sinh trong thôn phải đi học sang xã Điền Môn.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-GV và HS chưa được tập huấn kiến thức PCTT&BĐKH.</p> <p>-Chưa được tham gia diễn</p>	<p>*VC: Trường Mầm non Cơ sở 2, trường tiểu học cơ sở 2 được xây dựng kiên cố, làm nơi sơ tán cho các hộ dân;</p> <p>- Có bộ tăng âm loa đài, hệ thống mạng, máy tính kết nối mạng Internet; Có 05 áo phao.</p> <p>-Có 01 cán bộ y tế phụ trách y tế học đường và có trang bị một số thuốc sơ cấp cứu thông thường;</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm theo chỉ đạo của phòng GD& Đào tạo; Hiệu trưởng là thành viên của ban chỉ huy PCTT xã.</p> <p>-Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà trường;</p> <p>-Tổ chức tập huấn về vệ sinh học đường cho học sinh tiểu học;</p> <p>-Chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo của Phòng GD-ĐT và Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã về công tác PCTT, thông</p>	<p>-Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai;</p> <p>-Nguy cơ đuối nước;</p>	Cao	

			<p>tập PCTT; -Kinh phí hoạt động PCTT không có; -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH không được làm thường xuyên; -Giáo viên và HS chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn *NTKN: -95% học sinh không biết bơi; -Học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH; -Việc tập bơi cho các em học sinh ở các gia đình còn hạn chế;</p>	<p>báo kịp thời đến phụ huynh và HS nghỉ học khi cần thiết NTKN: -Giáo viên nhà trường có kinh nghiệm PCTT, có tinh thần trách nhiệm cao; -Học sinh nhà trường chấp hành và thực hiện theo hướng dẫn của thầy cô; -5% HS biết bơi; Một số phụ huynh dạy bơi cho các em; -Đa số phụ huynh đưa đón các em đi học</p>		
Trung Đông	97	<p>*VC: Đường đi đến các điểm trường là nằm trong vùng ngập lụt nên đi lại khó khăn khi có lụt, mưa to kéo dài. Thôn xa trung tâm xã, học sinh mầm non và HS tiểu học đi học tại thôn Thanh Hương Lâm; -Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, cảnh báo sớm (bộ tăng âm loa đài di động); -Thiếu tài liệu truyền thông: Tờ rơi, pa nô, tranh lật; - Nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho các em HS; -Khu vệ sinh của nhà trường mới đảm bảo cho thầy và trò sinh hoạt, khi xây dựng chưa tính đến thuận lợi cho người khuyết tật; -Chưa có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; phương tiện truyền thông thiếu; -Chưa bố trí góc giảm thiểu rủi ro thiên tai, thiếu các tài liệu truyền thông trực quan; -Xã không có trường THCS, học sinh trong thôn phải đi học sang xã Điền Môn *NTKN: -90% học sinh không biết bơi; -Học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH;</p>	<p>VC: Học sinh tiểu học, Mầm non đi học tại thôn Thanh Hương Lâm; -Học sinh THCS học xã Điền Môn các em đi học bằng xe đạp; *TCXH: - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm theo chỉ đạo của phòng GD& Đào tạo; Hiệu trưởng là thành viên của ban chỉ huy PCTT xã. -Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà trường; -Tổ chức tập huấn về vệ sinh học đường cho học sinh tiểu học; -Chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo của Phòng GD-ĐT và Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã về công tác PCTT, thông báo kịp thời đến phụ huynh và HS nghỉ học khi cần thiết NTKN: -Giáo viên nhà trường có kinh nghiệm PCTT, có tinh thần trách nhiệm cao; -Học sinh nhà trường chấp hành và thực hiện theo hướng dẫn của thầy cô; -10% HS biết bơi; Một số</p>	<p>-Học sinh phải nghỉ học khi có thiên tai; -Nguy cơ đuối nước;</p>	Cao	

			-Đa số các phụ huynh quản lý, quan tâm đến con em nhưng thiếu kiến thức rèn luyện kỹ năng sống cho các em, không dạy bơi cho các em mặc dù là thôn ven biển.	phụ huynh dạy bơi cho các em; -Đa số phụ huynh đưa đón các em đi học		
--	--	--	--	---	--	--

Ghi chú khác: xã không có trường THCS các em phải đi học tại xã Điền Môn, cách trung tâm xã 3-4.km

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
bão, lụt, hạn, rét	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng; -Tại địa phương chưa có vườn ươm cây giống</p> <p>* TCXH: -Chưa được diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng. -Lực lượng bảo vệ còn mỏng; -Việc quản lý và khai thác rừng sản xuất chủ yếu là do các hộ dân tự quyết định trồng và khai thác chưa có hướng dẫn cụ thể của chính quyền địa phương; -Chưa có các mô hình phát triển sinh kế từ rừng; *NTKN: -Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa tốt. - Đa số người dân thiếu kiến thức bảo vệ rừng; -Chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sinh kế từ rừng;</p>	<p>*VC: -Rừng phòng hộ:15ha -Rừng Sản xuất: 75ha Rừng đang phát triển tốt. *TCXH; + Rừng phòng hộ do UBND xã quản lý + Rừng sản xuất do các hộ dân quản lý, bảo vệ, khai thác. -Công tác bảo vệ được chính quyền quan tâm. -Hàng năm chính quyền địa phương XD kế hoạch trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán; *NTKN: -Đa số các hộ dân chủ động đầu tư trồng và bảo vệ rừng; - Có kinh nghiệm chọn giống cây phù hợp;</p>	<p>-Diện tích rừng bị gây đổ khi thiên tai xảy ra -Nguy cơ cháy rừng cao khi nắng nóng kéo dài nhiệt độ tăng cao; -Cây rừng bị chết do rét hại, nắng nóng kéo dài.</p>	Trung bình
	Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng; -Tại địa phương chưa có vườn ươm cây giống</p> <p>* TCXH: -Chưa được diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng. -Lực lượng bảo vệ còn mỏng;</p>	<p>*VC: -Rừng sản xuất 80ha *TCXH; + Rừng sản xuất do các hộ dân quản lý, bảo vệ, khai thác. -Công tác bảo vệ được chính quyền quan tâm. -Hàng năm chính quyền địa phương XD kế hoạch</p>	<p>-Diện tích rừng bị gây đổ khi thiên tai xảy ra -Nguy cơ cháy rừng cao khi nhiệt độ tăng cao,</p>	Trung bình

			<p>-Việc quản lý và khai thác rừng sản xuất chủ yếu là do các hộ dân tự quyết định trồng và khai thác chưa có hướng dẫn cụ thể của chính quyền địa phương;</p> <p>-Chưa có các mô hình phát triển sinh kế từ rừng;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa tốt.</p> <p>- Đa số người dân thiếu kiến thức bảo vệ rừng;</p> <p>-Chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sinh kế từ rừng;</p> <p>- Người dân thiếu kiến thức lợi ích của việc trồng, bảo vệ rừng giám sát động của BĐKH;</p>	<p>trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ dân chủ động đầu tư trồng và bảo vệ rừng;</p> <p>- Có kinh nghiệm chọn giống cây phù hợp;</p>	<p>nắng nóng kéo dài;</p> <p>-Cây rừng bị chết khi rét hại, nắng nóng kéo dài .</p>	
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng;</p> <p>-Tại địa phương chưa có vườn ươm cây giống</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Chưa được diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng.</p> <p>-Lực lượng bảo vệ còn mỏng;</p> <p>-Việc quản lý và khai thác rừng sản xuất chủ yếu là do các hộ dân tự quyết định trồng và khai thác chưa có hướng dẫn cụ thể của chính quyền địa phương;</p> <p>-Chưa có các mô hình phát triển sinh kế từ rừng;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa tốt.</p> <p>- Đa số người dân thiếu kiến thức bảo vệ rừng;</p> <p>-Chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sinh kế từ rừng;</p>	<p>*VC: -Rừng phòng hộ 20ha</p> <p>-Rừng sản xuất: 45ha</p> <p>Đang phát triển tốt.</p> <p>*TCXH;</p> <p>+ Rừng sản xuất do các hộ dân quản lý, bảo vệ, khai thác.</p> <p>-Công tác bảo vệ được chính quyền quan tâm.</p> <p>-Hàng năm chính quyền địa phương XD kế hoạch trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ dân chủ động đầu tư trồng và bảo vệ rừng;</p> <p>- Có kinh nghiệm chọn giống cây phù hợp;</p>	<p>-Diện tích rừng bị gãy đổ khi thiên tai xảy ra</p> <p>-Nguy cơ cháy rừng cao</p> <p>-Cây rừng bị chết thiên tai, BĐKH</p>	Trung bình	
Trung Đồng	97	<p>*VC: Thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng bảo vệ rừng;</p> <p>-Tại địa phương chưa có vườn ươm cây giống</p> <p>* TCXH:</p> <p>-Chưa được diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng.</p>	<p>*VC: -Rừng sản xuất: 37ha</p> <p>-Rừng sản xuất: 45ha</p> <p>Đang phát triển tốt.</p> <p>*TCXH;</p> <p>+ Rừng sản xuất do các hộ dân quản lý, bảo vệ, khai thác.</p> <p>-Công tác bảo vệ được</p>	<p>-Diện tích rừng bị gãy đổ khi thiên tai xảy ra</p> <p>-Nguy cơ cháy rừng cao</p> <p>-Cây rừng</p>	Trung bình	

			<p>-Lực lượng bảo vệ còn mỏng; -Việc quản lý và khai thác rừng sản xuất chủ yếu là do các hộ dân tự quyết định trồng và khai thác chưa có hướng dẫn cụ thể của chính quyền địa phương; -Chưa có các mô hình phát triển sinh kế từ rừng; *NTKN: -Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa tốt. - Đa số người dân thiếu kiến thức bảo vệ rừng; -Chưa mạnh dạn đầu tư các mô hình sinh kế từ rừng; -Đa số người dân biết lợi ích của việc trồng rừng là để phát triển kinh tế, nhưng chưa biết lợi ích của việc trồng rừng là bảo vệ môi trường, giảm tác động của BĐKH;</p>	<p>chính quyền quan tâm. -Hàng năm chính quyền địa phương XD kế hoạch trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán; *NTKN: -Đa số các hộ dân chủ động đầu tư trồng và bảo vệ rừng; - Có kinh nghiệm chọn giống cây phù hợp;</p>	<p>bị chết thiên tai, BĐKH.</p>	
....	Ghi chú khác:					

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỦBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão hạn hán, rét	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: -61/61 ha trồng lúa ở vùng trung, thấp. -2ha màu ở vùng thấp. -Thiếu trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất. Việc trồng màu hoàn toàn lao động thủ công, chi phí nhân công cao. . -Hệ thống kênh mương còn chưa được kiên cố 3,867km -01 trạm bơm bán kiên cố -4 con khe qua thôn (3,2km) chưa được kiên cố *TCXH: -Công tác quản lý sản xuất chưa đồng bộ; -Không có cán bộ chuyên trách về trồng trọt, năng lực</p>	<p>*VC :-Trồng lúa: 61ha -Trồng màu: 6ha -Máy cày: 01; nhỏ 5 cái -Máy bừa: 0 -Trạm bơm 04 cái được kiên cố -Một số hộ gia đình đã tự đầu tư máy bơm, giếng khoan để phục vụ tưới nước cho cây trồng *TCXH: Năm 2017 xã tổ chức 01 lớp tập huấn trồng màu : Thôn có 10 người tham gia (nữ 7) * Có mô hình trồng cây ăn quả: Cây na dai và cây măng cầu: 06 hộ tham gia</p>	<p>-Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu khi thiên tai, BĐKH.</p>	Cao

			<p>hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được phân lô, quy hoạch đất trồng màu; diện tích trồng màu còn nhỏ lẻ, manh mún. - Chưa có đơn vị bao tiêu sản phẩm, chưa có sự liên kết giữa hộ trồng rau màu với doanh nghiệp, siêu thị ... - Chưa có mô hình trồng rau an toàn, trồng theo phương pháp công nghệ cao --Không có định hướng cụ thể cho trồng rau màu, chủ yếu các hộ trồng mang tính tự phát, tự cung tự cấp; giá trị kinh tế các loại rau màu thấp. -Chính quyền địa phương chưa có sự liên doanh,liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm NN. *NTKN: 40% các hộ dân trồng trọt canh tác theo kinh nghiệm là chính, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt; Không thực hiện trồng trọt theo đúng lịch thời vụ. -Chưa chủ động, mạnh dạn đầu tư trồng trọt mang tính hàng hóa. -Đa số các hộ dân sử dụng thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật chưa theo đúng hướng dẫn trên bao bì; -Không có các trang thiết bị bảo hộ lao động khi phun thuốc sâu, thuốc bảo vệ thực vật cho cây trồng; -Đa số các hộ: Phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình thiếu nhân lực thu hoạch sớm khi có thiên tai. -Nguồn giống phụ thuộc vào thị trường, các hộ dân không dự trữ các loại giống cây ngắn ngày. 	<p>hiện nay đạt hiệu quả tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mô hình trồng cây thanh long ruột đỏ: 02 hộ. - Mô hình trồng ném: 10 hộ; mô hình trồng ớt sừng bò: 8 hộ; -Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất; - Xã điều tiết nước tưới tiêu trồng trọt cho các hộ; -Khuyến cáo, thông báo lịch gieo trồng đến các hộ; -Quy hoạch đất đai trồng trọt theo vùng chuyên canh; -Địa phương chưa quản lý, hướng dẫn việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và con giống; -Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ khó khăn thu hoạch khi thiên tai xảy ra; *NTKN: 60% hộ trồng trọt theo đúng lịch thời vụ; -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trồng trọt. -Thực hiện theo khuyến các của địa phương theo phương châm” xanh nhà hơn già đồng”. -Một số hộ đã mạnh dạn đầu tư các mô hình trồng trọt, phát triển KT hộ gia đình. 		
	Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Trồng lúa: 66ha/66ha trong vùng trũng, thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3ha /10 ha màu nằm ở vùng thấp - 6,563km/9,097km kênh 	<p>*VC: Trồng lúa: 66ha Trồng màu: 10ha</p> <ul style="list-style-type: none"> -Máy cày to; 03 chiếc -Máy cày tay; 06 chiếc -Máy gặt :03 chiếc 	Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu khi thiên tai,	Cao

		<p>cấp 2 (nội đồng) bằng đất nằm ở vùng ngập lụt kéo dài</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 con khe chạy qua thôn khoảng 4,5km chưa được kiên cố. - Đê sông Ô Lâu: 0,7km chưa được kiên cố; <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Công tác quản lý sản xuất chưa đồng bộ; -Không có cán bộ chuyên trách về trồng trọt, năng lực hạn chế - Chưa được phân lô, quy hoạch đất trồng màu; diện tích trồng màu còn nhỏ lẻ, manh mún. - Chưa có đơn vị bao tiêu sản phẩm, chưa có sự liên kết giữa hộ trồng rau màu với doanh nghiệp, siêu thị. -Chưa có mô hình trồng rau an toàn, trồng theo phương pháp công nghệ cao --Không có định hướng cụ thể cho trồng rau màu, chủ yếu các hộ trồng mang tính tự phát, tự cung tự cấp; giá trị kinh tế các loại rau màu thấp. -Chính quyền địa phương chưa có sự liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm NN. <p>*NTKN: 40% các hộ dân trồng trọt canh tác theo kinh nghiệm là chính, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt; Không thực hiện trồng trọt theo đúng lịch thời vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa chi động, mạnh dạn đầu tư trồng trọt mang tính hàng hóa. -Đa số các hộ dân sử dụng thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật chưa theo đúng hướng dẫn trên bao bì; -Không có các trang thiết bị bảo hộ lao động khi phun thuốc sâu, thuốc bảo vệ thực vật cho cây trồng; -Đa số các hộ: Phụ nữ đơn 	<ul style="list-style-type: none"> -Máy gặt: 04 chiếc Có 2.53 km nội đồng đã được bê tông hóa -Cầu giao thông: 7/7 cái -Cống giao thông: 28/28 -Cống thủy lợi: 8/8 cái kiên cố -Một số hộ gia đình đã tự đầu tư máy bơm, giếng khoan để phục vụ tưới nước cho cây trồng <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Năm 2017 xã tổ chức 01 lớp tập huấn trồng màu: Thôn có 12 người tham gia (nữ 8) - Mô hình trồng ném: 28 hộ; mô hình trồng ớt sừng bò: 7 hộ; Mô hình dưa lê, dưa lưới: 2 hộ. -Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất; - Xã điều tiết nước tưới tiêu trồng trọt cho các hộ; -Khuyến cáo, thông báo lịch gieo trồng đến các hộ; -Quy hoạch đất đai trồng trọt theo vùng chuyên canh; -Địa phương chưa quản lý, hướng dẫn việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và con giống; -Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ khó khăn thu hoạch khi thiên tai xảy ra; <p>*NTKN: 60% hộ trồng trọt theo đúng lịch thời vụ;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trồng trọt. -Thực hiện theo khuyến các của địa phương theo phương châm” xanh nhà hơn già đồng”. -Một số hộ đã mạnh dạn đầu tư các mô hình trồng trọt, phát triển KT hộ gia đình. 	<p>BĐKH</p>	
--	--	--	--	-------------	--

			<p>thân, phụ nữ là trụ cột gia đình thiếu nhân lực thu hoạch sớm khi có thiên tai.</p> <p>-Nguồn giống phụ thuộc vào thị trường, các hộ dân không dự trữ các loại giống cây ngắn ngày.</p>		
Thanh Hương lâm	216	<p>*VC: -38/38ha lúa ở vùng thấp -10ha/34ha màu ở vùng trũng;</p> <p>*TCXH: -Công tác quản lý sản xuất chưa đồng bộ; -Không có cán bộ chuyên trách về trồng trọt, năng lực hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được phân lô, quy hoạch đất trồng màu; diện tích trồng màu còn nhỏ lẻ, manh mún. - Chưa có đơn vị bao tiêu sản phẩm, chưa có sự liên kết giữa hộ trồng rau màu với doanh nghiệp, siêu thị ... -Chưa có mô hình trồng rau an toàn, trồng theo phương pháp công nghệ cao --Không có định hướng cụ thể cho trồng rau màu, chủ yếu các hộ trồng mang tính tự phát, tự cung tự cấp; giá trị kinh tế các loại rau màu thấp. -Chính quyền địa phương chưa có sự liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm NN. <p>*NTKN: 40% các hộ dân trồng trọt canh tác theo kinh nghiệm là chính, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt; Không thực hiện trồng trọt theo đúng lịch thời vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chưa chỉ động, mạnh dạn đầu tư trồng trọt mang tính hàng hóa. -Đa số các hộ dân sử dụng thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật chưa theo đúng hướng dẫn trên bao bì; -Không có các trang thiết bị 	<p>*VC: Trồng lúa: 38ha Trồng màu: 34ha -Máy cày to: 04 -Máy cày tay: 12 -Máy gặt đập liên hợp: 04 chiếc</p> <p>*TCXH: -Có mô hình trồng cây ăn quả: Cây na dai và cây măng cầu: 21 hộ tham gia hiện nay đạt hiệu quả tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình trồng ném: 85 hộ; mô hình trồng ớt sừng bò: 14 hộ; -Năm 2017 xã tổ chức 01 lớp tập huấn trồng màu :Thôn có 8 người tham gia (nữ 5) -Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất; - Xã điều tiết nước tưới tiêu trồng trọt cho các hộ; -Khuyến cáo, thông báo lịch gieo trồng đến các hộ; -Quy hoạch đất đai trồng trọt theo vùng chuyên canh; -Địa phương chưa quản lý, hướng dẫn việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và con giống; -Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ khó khăn thu hoạch khi thiên tai xảy ra; <p>*NTKN: 60% hộ trồng trọt theo đúng lịch thời vụ;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trồng trọt. -Thực hiện theo khuyến các của địa phương theo phương châm” xanh nhà hơn già đồng”. 	Mất mùa, giảm năng suất lúa và hoa màu khi thiên tai, BĐKH	Cao

			<p>bảo hộ lao động khi phun thuốc sâu, thuốc bảo vệ thực vật cho cây trồng;</p> <p>-Đa số các hộ: Phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình thiếu nhân lực thu hoạch sớm khi có thiên tai.</p> <p>-Nguồn giống phụ thuộc vào thị trường, các hộ dân không dự trữ các loại giống cây ngắn ngày.</p>	<p>-Một số hộ đã mạnh dạn đầu tư các mô hình trồng trọt, phát triển KT hộ gia đình.</p>		
	Trung Đông	97				
<p>Ghi chú khác: Xã có 4 thôn. Trong đó 3 thôn làm nông nghiệp, 01 thôn đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Tỷ lệ nữ tham gia trồng trọt là 60% nhưng nữ lại ít tham gia các lớp tập huấn kiến thức về trồng trọt. Các mô hình trồng trọt thích ứng với BĐKH còn hạn chế chủ yếu sản xuất các loại cây trồng truyền thống; Chưa có các mô hình trồng rau an toàn, trồng theo phương pháp công nghệ cao, chưa có sự liên doanh liên kết với các doanh nghiệp tìm đầu ra sản phẩm nông nghiệp.</p>						

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, rét,	Thanh Hương Tây	125	<p>*VC: Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ, không làm hầm biogas, không đảm bảo vệ sinh. Chuồng trại không có gác để dự trữ thức ăn chăn nuôi; chưa đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ẩm về mùa đông.</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực CB thú ý còn hạn chế, cả xã có 01 cán bộ thú y; - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp; Chưa có biện pháp đối với những hộ không tiêm phòng; - Công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi còn hạn chế; - Giá cả không ổn định không tìm được đầu ra cho sản phẩm; <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp dụng khoa học kỹ thuật. 	<p>*VC: -Có: 125 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm; Có 3 trang trại; 02 gia trại nuôi gia súc, gia cầm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình nuôi bò nhốt chuồng và trồng cỏ 60 hộ; - Mô hình nuôi gà thả vườn: 10 hộ; <p>-Một số hộ đã chủ động làm chuồng trại đảm bảo ấm về mùa đông, thoáng mát mùa hè; đảm bảo vệ sinh;</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho gia súc, gia cầm; - Khuyên cáo cho người dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; Tiến hành tiêu độc khử trùng 1 năm 2/lần và sau khi thiên tai xảy ra. -Công tác tiêm phòng gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh khi thiên tai, BĐKH. -Chuồng trại bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra 	Cao

			<p>-Một số hộ thái trực tiếp nước tháo ra môi trường gây ô nhiễm môi trường .</p> <p>-Người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm , chưa chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm.</p> <p>- Một số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không quan tâm đến việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm;</p> <p>-Đa số các hộ còn chủ quan chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; Chưa chủ động che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm theo sự khuyến cáo của địa phương khi có rét;</p>	<p>súc, gia cầm, phòng ngừa dịch bệnh lở mồm long móng ở đàn gia súc được quan tâm chú trọng, tỷ lệ tiêm phòng trong năm 2017 đạt trên 95%.</p> <p>-Công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ triển khai thường xuyên đã ngăn chặn kịp thời dịch bệnh, không xảy ra dịch bệnh trên địa bàn xã.- Hội đồng quản trị Hợp tác xã đang xây dựng kế hoạch mô hình liên kết chăn nuôi lợn thương phẩm với công ty CP với tổng nguồn vốn lên trên 2,8 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 500 triệu đồng. Mô hình nuôi bò nhốt chuồng và trồng cỏ, có 60 hộ tham gia, với tổng kinh phí 488.450.000 đồng</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Các hộ chăn nuôi gia trại, trang trại thực hiện tốt việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm;</p> <p>- Người dân có kinh nghiệm chăn nuôi;</p> <p>- Các hộ chăn nuôi gia trại đã chủ động liên kết với các cơ sở kinh doanh cung cấp đầu vào và tìm đầu ra cho sản phẩm;</p>		
	Thanh Hương Đông	121	<p>*VC: Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuồng trại tạm bợ, không làm hầm biogas, không đảm bảo vệ sinh. Chuồng trại không có gác để dự trữ thức ăn chăn nuôi; chưa đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế, cả xã có 01 cán bộ thú y;</p> <p>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp; Chưa có biện pháp đối với những hộ không tiêm phòng;</p> <p>- Công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi còn hạn chế;</p> <p>- Giá cả không ổn định không</p>	<p>*VC: -Có 121 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm; Có 04 gia trại nuôi;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho gia súc, gia cầm; - Khuyến cáo cho người dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; Tiến hành tiêu độc khử trùng 1 năm 2/lần và sau khi thiên tai xảy ra.</p> <p>-Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm, phòng ngừa dịch bệnh lở mồm long móng ở đàn gia súc được quan tâm chú trọng, tỷ lệ tiêm phòng trong năm 2017</p>	<p>- Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh khi thiên tai, BĐKH.</p> <p>-Chuồng trại bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	Cao

			<p>tìm được đầu ra cho sản phẩm; *NTKN: -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp dụng khoa học kỹ thuật. -Một số hộ thải trực tiếp nước thải ra môi trường gây ô nhiễm môi trường . -Người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm , chưa chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm. -Đa số các hộ còn chủ quan chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; Chưa chủ động che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm theo sự khuyến cáo của địa phương khi có rét;</p>	<p>đạt trên 95%. -Mỗi năm xã có tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ chăn nuôi; -Khuyến cáo các hộ chăn nuôi dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, di dời, che chắn đảm bảo an toàn cho gia súc gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; -Hỗ trợ kinh phí làm hầm Biogas cho các hộ chăn nuôi; *NTKN: -Các hộ chăn nuôi gia trại, trang trại thực hiện tốt việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; - Người dân có kinh nghiệm chăn nuôi; - Các hộ chăn nuôi gia trại đã chủ động liên kết với các cơ sở kinh doanh cung cấp đầu vào và tìm đầu ra cho sản phẩm;</p>		
Thanh Hương lâm	214	<p>*VC: Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp dụng khoa học kỹ thuật. Chuồng trại không có gác để dự trữ thức ăn chăn nuôi; chưa đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông. *TCXH: - Năng lực CB thú ý còn hạn chế, cả xã có 01 cán bộ thú y; - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp; Chưa có biện pháp đối với những hộ không tiêm phòng; - Công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi còn hạn chế; - Giá cả không ổn định không tìm được đầu ra cho sản phẩm; *NTKN: -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp</p>	<p>*VC: -Có 214 hộ chăn nuôi; Có 02 Gia trại chăn nuôi gia cầm. *TCXH: -Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho gia súc, gia cầm; - Khuyến cáo cho người dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; Tiến hành tiêu độc khử trùng 1 năm 2/lần và sau khi thiên tai xảy ra. -Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm, phòng ngừa dịch bệnh lở mồm long móng ở đàn gia súc được quan tâm chú trọng, tỷ lệ tiêm phòng trong năm 2017 đạt trên 95%. -Khuyến cáo các hộ chăn nuôi dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, di dời, che chắn đảm bảo an toàn cho gia súc gia cầm trước khi</p>	<p>- Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh khi thiên tai, BĐKH -Chuồng trại bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	Cao	

			<p>dụng khoa học kỹ thuật.</p> <p>-Một số hộ thái trực tiếp nước thải ra môi trường gây ô nhiễm môi trường .</p> <p>-Người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm , chưa chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm.</p> <p>-Đa số các hộ còn chủ quan chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; Chưa chủ động che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm theo sự khuyến cáo của địa phương khi có rét;</p>	<p>thiên tai xảy ra;</p> <p>-Hỗ trợ kinh phí làm hầm Biogas cho các hộ chăn nuôi;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Các hộ chăn nuôi gia trại, trang trại thực hiện tốt việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm;</p> <p>- Người dân có kinh nghiệm chăn nuôi;</p> <p>- Các hộ chăn nuôi gia trại đã chủ động liên kết với các cơ sở kinh doanh cung cấp đầu vào và tìm đầu ra cho sản phẩm;</p>		
Trung Đông	97	<p>*VC: Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp dụng khoa học kỹ thuật.</p> <p>*TCXH:</p> <p>- Năng lực CB thú ý còn hạn chế, cả xã có 01 cán bộ thú y;</p> <p>- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc thấp; Chưa có biện pháp đối với những hộ không tiêm phòng;</p> <p>- Công tác tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi còn hạn chế;</p> <p>- Giá cả không ổn định không tìm được đầu ra cho sản phẩm;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại tạm bợ, chăn nuôi theo kinh nghiệm không áp dụng khoa học kỹ thuật.</p> <p>-Một số hộ thái trực tiếp nước thải ra môi trường gây ô nhiễm môi trường .</p> <p>-Người dân thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm , chưa chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm.</p> <p>-Đa số các hộ còn chủ quan chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm trước khi thiên tai xảy</p>	<p>*VC: -Có 97 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm; Có 01 gia trại</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho gia súc, gia cầm; - Khuyến cáo cho người dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; Tiến hành tiêu độc khử trùng 1 năm 2/lần và sau khi thiên tai xảy ra.</p> <p>-Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm, phòng ngừa dịch bệnh lở mồm long móng ở đàn gia súc được quan tâm chú trọng, tỷ lệ tiêm phòng trong năm 2017 đạt trên 95%.</p> <p>-Khuyến cáo các hộ chăn nuôi dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm, di dời, che chắn đảm bảo an toàn cho gia súc gia cầm trước khi thiên tai xảy ra;</p> <p>-Hỗ trợ kinh phí làm hầm Biogas cho các hộ chăn nuôi;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Các hộ chăn nuôi gia trại, trang trại thực hiện tốt việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm;</p>	<p>- Gia súc, gia cầm nguy cơ bị chết, bị dịch bệnh do thiên tai, BĐKH.</p> <p>-Chuồng trại bị trôi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	Cao	

			ra; Chưa chủ động che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm theo sự khuyến cáo của địa phương khi có rét;	- Người dân có kinh nghiệm chăn nuôi; - Các hộ chăn nuôi gia trại đã chủ động liên kết với các cơ sở kinh doanh cung cấp đầu vào và tìm đầu ra cho sản phẩm;		
....	Ghi chú khác: Các hộ chăn nuôi nhỏ công tác kiểm dịch khó khăn, ô nhiễm môi trường do nước thải, chất thải chăn nuôi; Nữ tham gia 50%, nam 50%; Kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi nam được tiếp cận nhiều hơn nữ (phụ nữ ngại tham gia);					

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) (cả xã là: 3,5ha)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn hán , rét hại	Thanh Hương Tây	10	<p>*VC: -Nuôi nhỏ lẻ, bờ bao chưa được kiên cố;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Chưa có quy hoạch nuôi trồng theo hướng chuyên canh;</p> <p>-Chưa tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng;</p> <p>-Chưa có các mô hình chăn nuôi xen ghép;</p> <p>-Đầu ra không ổn định chủ yếu tự cung tự cấp tại chỗ;</p> <p>*NTKN:</p> <p>- Thiếu kiến thức kỹ thuật nuôi trồng Thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, các hộ gia đình chưa chủ động đầu tư, tìm đầu ra cho sản phẩm;</p> <p>-Chăn nuôi theo kinh nghiệm, mang tính tự phát</p>	<p>*VC;Nuôi cá nước ngọt 1ha;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Khuyến cáo các hộ dân nuôi trồng theo mùa vụ;</p> <p>-Hỗ trợ vốn vay ngân hàng cho các hộ phát triển kinh tế;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Các hộ dân tự chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi cá.</p> <p>-Vây lưới, đắp bờ bao cao, thu hoạch sớm để tránh thiệt hại khi thiên tai xảy ra</p>	-Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra -Mất mùa, giảm năng suất nuôi trồng.	Cao
	Thanh Hương Đông	10	<p>*VC: -Nuôi nhỏ lẻ, bờ bao chưa được kiên cố;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Chưa có quy hoạch nuôi trồng theo hướng chuyên canh;</p> <p>-Chưa tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng;</p> <p>-Chưa có các mô hình chăn nuôi xen ghép;</p> <p>-Đầu ra không ổn định chủ</p>	<p>*VC; -Nuôi cá nước ngọt: 1ha. Số hộ : 10;</p> <p>*TCXH:-Khuyến cáo các hộ dân nuôi trồng theo mùa vụ;</p> <p>-Hỗ trợ vốn vay ngân hàng cho các hộ phát triển kinh tế;</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Các hộ dân tự chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu</p>	-Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra -Mất mùa, giảm năng suất	Cao

			<p>yếu tự cung tự cấp tại chỗ; *NTKN: - Thiếu kiến thức kỹ thuật nuôi trồng Thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, các hộ gia đình chưa chủ động đầu tư, tìm đầu ra cho sản phẩm; -Chăn nuôi theo kinh nghiệm, mang tính tự phát;</p>	<p>quả sang nuôi cá. -Vây lưới, đắp bờ bao cao, thu hoạch sớm để tránh thiệt hại khi thiên tai xảy ra</p>		
	Thanh Hương lâm	6	<p>*VC: -Nuôi nhỏ lẻ, bờ bao chưa được kiên cố; *TCXH: -Chưa có quy hoạch nuôi trồng theo hướng chuyên canh; -Chưa tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng; -Chưa có các mô hình chăn nuôi xen ghép; -Đầu ra không ổn định chủ yếu tự cung tự cấp tại chỗ; *NTKN: - Thiếu kiến thức kỹ thuật nuôi trồng Thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, các hộ gia đình chưa chủ động đầu tư, tìm đầu ra cho sản phẩm; -Chăn nuôi theo kinh nghiệm, mang tính tự phát</p>	<p>*VC: Nuôi cá nước ngọt: Có 06 hộ = 1,5ha; *TCXH: -Khuyến cáo các hộ dân nuôi trồng theo mùa vụ; -Hỗ trợ vốn vay ngân hàng cho các hộ phát triển kinh tế; *NTKN: -Các hộ dân tự chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi cá. -Vây lưới, đắp bờ bao cao, thu hoạch sớm để tránh thiệt hại khi thiên tai xảy ra</p>	<p>-Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra -Mất mùa, giảm năng suất nuôi trồng.</p>	Cao
	Trung Đồng	-36 hộ -03 công ty	<p>*VC: Bờ bao không kiên cố -22 thuyền đánh bắt gần bờ, thuyền nhỏ; *TCXH: -Không kiểm định được chất lượng con giống. -Đầu ra không ổn định; -Chất lượng con giống không đảm bảo. -Chưa có quy hoạch hồ thải gây ô nhiễm môi trường; *NTKN: -Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc nuôi trồng thủy sản. - Các hộ nuôi trồng và công ty xả thải trực tiếp ra môi trường, ra biển. -Các hộ đánh bắt gần bờ không trang bị áo phao,</p>	<p>*VC: -Nuôi tôm trên cát: 36 hộ tham gia với 40,51ha, 03 công ty 127,7ha; Công ty CP Việt Nam: 80ha; công ty CPTM Thuận Phước 37,7ha; Công ty Thiên An Phú 10ha; -22 thuyền đánh bắt gần bờ; *TCXH: - Có quy hoạch diện tích nuôi tôm, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ phát triển kinh tế. - Chính quyền hỗ trợ đầu tư đường điện ra khu nuôi tôm -Có kỹ thuật điều tiết nước đảm bảo cho thủy sản phát triển: -Liên kết với các doanh nghiệp cung cấp con giống,</p>	<p>-Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra -Mất mùa, giảm năng suất thủy sản -Tôm bị dịch bệnh, chết do thiên tai, BDKH. -Tàu thuyền, ngư lưới cụ bị hư hỏng, trôi khi thiên tai xảy ra.</p>	Cao

			không có các phương tiện cảnh báo sớm; -Đa số hộ đánh bắt nuôi trồng thiếu kiến thức PCTT, BĐKH; chủ quan. -Đa số các hộ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản thiếu kiến thức về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường; việch đầu tư trang thiết bị, phương tiện đánh bắt, nuôi trồng để thích ứng với BĐKH;	thức ăn và tập huấn kỹ thuật nuôi trồng và đầu ra sản phẩm; -Hỗ trợ vay vốn phát triển vùng nuôi; *NTKN: -Các hộ đầu tư máy sục, lót đáy nylon, áp dụng khoa học kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc. -Có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt; -70% lao động đánh bắt biết bơi;		
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú khác

12. Du lịch: Không có lĩnh vực du lịch

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn ...					
....	<i>Ghi chú khác:</i>					

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão	Thanh Hương Tây	58	*VC: - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố; - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng; -Không có kho để hàng hóa; *TCXH: -Chưa có biện pháp xử lý những hộ kinh doanh vi phạm về an toàn thực phẩm, nâng giá cả hàng hóa khi thiên tai; -Chưa kiểm định được chất lượng hàng hóa. *NTKN: - Buôn bán tự phát	*VC: -Có 45 hộ buôn bán kinh doanh; có 7 đại lý cung cấp tạp hóa; 01 đại lý gạo; 01 cây xăng, vải áo quần 06 cửa hàng. -Chủ động đầu tư hàng hóa, đầu tư cơ sở, mở rộng sản xuất hàng hóa; *TCXH -Hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu vốn đầu tư hàng hóa -Tuyên truyền kiến thức an toàn thực phẩm cho người dân;	- Lều quán bị hư hỏng, sập đổ -Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ.	Trung bình

			<p>-Các hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời sơ tán</p> <p>-Một số hộ kinh doanh chưa quan tâm đến an toàn thực phẩm.</p> <p>-Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại.</p> <p>-Lượng tiêu thụ ít, hàng hóa bán chậm, hết hạn sử dụng;</p> <p>-Người tiêu dùng ít quan tâm đến hạn sử dụng, thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm.</p>	<p>-Kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy;</p> <p>-Tuyên truyền các hộ dân đưa hàng hóa lên cao, đảm bảo an toàn hàng hóa khi thiên tai xảy ra;</p> <p>*NTKN: - Một số hộ buôn bán tại chợ chủ động đầu tư, đa dạng hàng hóa.</p> <p>-Một số hộ kinh doanh có ý thức bố trí, sắp xếp hàng hóa riêng cho từng mặt hàng. (Mặt hàng thực phẩm, phân bón);</p> <p>-Có ý thức phòng chống cháy nổ;</p>		
Thanh Hương Đông	43	<p>*VC: - Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố;</p> <p>- Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng;</p> <p>-Không có kho để hàng hóa</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Chưa có biện pháp xử lý những hộ kinh doanh vi phạm về an toàn thực phẩm, nâng giá cả hàng hóa khi thiên tai;</p> <p>-Chưa kiểm định được chất lượng hàng hóa.</p> <p>*NTKN:</p> <p>- Buôn bán tự phát</p> <p>-Các hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời sơ tán</p> <p>-Một số hộ kinh doanh chưa quan tâm đến an toàn thực phẩm.</p> <p>-Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại.</p> <p>-Lượng tiêu thụ ít, hàng hóa bán chậm, hết hạn sử dụng;</p> <p>-Người tiêu dùng ít quan tâm đến hạn sử dụng, thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm.</p>	<p>*VC: -Có 6 cơ sở làm gò hàn; 35 hộ buôn bán kinh doanh; 02 hộ kinh doanh nhu yếu phẩm.</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu vốn đầu tư hàng hóa</p> <p>-Tuyên truyền kiến thức an toàn thực phẩm cho người dân;</p> <p>-Kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy;</p> <p>-Tuyên truyền các hộ dân đưa hàng hóa lên cao, đảm bảo an toàn hàng hóa khi thiên tai xảy ra;</p> <p>*NTKN: - Một số hộ buôn bán tại chợ chủ động đầu tư, đa dạng hàng hóa.</p> <p>-Một số hộ kinh doanh có ý thức bố trí, sắp xếp hàng hóa riêng cho từng mặt hàng. (Mặt hàng thực phẩm, phân bón);</p> <p>-Có ý thức phòng chống cháy nổ;</p>	<p>- Lều quán bị hư hỏng, sập đổ</p> <p>-Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ</p>	Trung bình	
Thanh Hương Lâm	13	<p>*VC: -Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố</p> <p>-Cơ sở làm gạch tạm bợ</p>	<p>*VC: -Có 08 hộ làm gạch; 05 hộ buôn bán kinh doanh</p>	<p>- Lều quán bị hư hỏng, sập đổ</p>	Trung bình	

			<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng; *TCXH: -Chưa có biện pháp xử lý những hộ kinh doanh vi phạm về an toàn thực phẩm, nâng giá cả hàng hóa khi thiên tai; -Chưa kiểm định được chất lượng hàng hóa. *NTKN: - Buôn bán tự phát -Các hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời sơ tán -Một số hộ kinh doanh chưa quan tâm đến an toàn thực phẩm. -Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại. -Lượng tiêu thụ ít, hàng hóa bán chậm, hết hạn sử dụng; -Người tiêu dùng ít quan tâm đến hạn sử dụng, thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm. -Các hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời sơ tán -Biện pháp chế tài chưa đủ mạnh -Chưa kiểm định được chất lượng hàng hóa. -Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại. -Lượng tiêu thụ ít, chậm 	<ul style="list-style-type: none"> -Có các máy móc xuất gach; -Chủ động đầu tư hàng hóa, đầu tư cơ sở, mở rộng sản xuất hàng hóa; *TCXH: -Hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu vốn đầu tư hàng hóa, cơ sở sản xuất ; -Tuyên truyền các hộ dân đưa hàng hóa lên cao, đảm bảo an toàn hàng hóa khi thiên tai xảy ra; <p>*NTKN: Chủ động tìm kiếm đầu ra, tìm kiếm thị trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tạo công ăn việc làm cho 23 lao động tại chỗ; - Một số hộ buôn bán tại chợ chủ động đầu tư, đa dạng hàng hóa. -Một số hộ kinh doanh có ý thức bố trí, sắp xếp hàng hóa riêng cho từng mặt hàng. (Mặt hàng thực phẩm, phân bón); 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ -Sản phẩm sản xuất ra bị hư hỏng 	
Trung Đông	6	<ul style="list-style-type: none"> *VC: -Các lều quán bán hàng nhỏ, chưa kiên cố; - Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng; *TCXH: -Chưa có biện pháp xử lý những hộ kinh doanh vi phạm về an toàn thực phẩm, nâng giá cả hàng hóa khi thiên tai; -Chưa kiểm định được chất lượng hàng hóa. *NTKN: - Buôn bán tự phát, theo kinh nghiệm; -Một số hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời 	<ul style="list-style-type: none"> *VC:-Có 06 hộ buôn bán kinh doanh Chủ động đầu tư hàng hóa, đầu tư cơ sở, mở rộng sản xuất hàng hóa; *TCXH: -Hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu vốn đầu tư hàng hóa, cơ sở sản xuất ; -Tuyên truyền các hộ dân đưa hàng hóa lên cao, đảm bảo an toàn hàng hóa khi thiên tai xảy ra; <p>*NTKN: Chủ động tìm kiếm đầu ra, tìm kiếm thị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán bị hư hỏng, sập đổ - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ -Sản phẩm sản xuất ra bị hư hỏng 	Trung bình	

			<p>sơ tán;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một số hộ kinh doanh chưa quan tâm đến an toàn thực phẩm. -Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại. -Lượng tiêu thụ ít, hàng hóa bán chậm, hết hạn sử dụng; -Người tiêu dùng ít quan tâm đến hạn sử dụng, thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm. -Các hộ dân chủ quan không chấp hành lệnh di dời sơ tán -Thiếu kiến thức, kinh nghiệm dịch vụ thương mại. -Lượng tiêu thụ ít, chậm hàng hóa ầm môt -Đường đi vào trung tâm xã xa (6km), 	<p>trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tạo công ăn việc làm cho 23 lao động tại chỗ; - Một số hộ buôn bán tại chợ chủ động đầu tư, đa dạng hàng hóa. -Một số hộ kinh doanh có ý thức bố trí, sắp xếp hàng hóa riêng cho từng mặt hàng. (Mặt hàng thực phẩm, phân bón); 		
....	<p>Ghi chú khác: Ngoài ra địa phương có 16 hộ kinh doanh vận tải: thôn Thanh Hương Tây 08; Thanh Hương Đông 02; Thanh Hương Lâm: 06;</p>					

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, rét hại, hạn hán	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: -Không có loa cầm tay;</p> <ul style="list-style-type: none"> -3% hộ không có ti vi - 5% hộ không có điện thoại -95% hộ không có đài radio. -Không có bộ âm li di động -Tăng âm loa đài công suất nhỏ - Chưa có biển cảnh báo nơi có nguy cơ cao Quốc lộ 49B từ cầu Vân Trình đến giáp ranh xã Điền Môn. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được làm thường xuyên. -40% phụ nữ không quan tâm đến kiến thức PCTT, BĐKH ; - Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong 	<p>*VC: -97% Hộ có ti vi</p> <ul style="list-style-type: none"> -95% hộ có điện thoại . --Đài truyền thanh của xã hoạt động tốt -100% hộ dân tiếp cận với đài truyền thanh của xã, thông tin truyền thanh của thôn. -183 hộ tiếp cận hệ thống mạng Internet và công nghệ thông tin; <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thường xuyên thông báo diễn biến thiên tai đến các hộ dân khi có sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT xã; Phân công trực 24/24. -Đến hộ gia đình thông báo khi cần thiết -Huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ thiếu 	<p>-Hệ thống truyền thanh hư hỏng</p> <p>-Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra và tác động của BĐKH;</p>	Trung bình

			<p>phòng chống thiên tai còn hạn chế. *NTKN: Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai; -40% người dân thiếu kiến thức, kinh nghiệm PCTT;</p>	<p>nhân lực di dời; -Tổ chức hội nghị triển khai KPPCTT đến các hộ dân; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức theo dõi thông tin truyền truyền, dự báo cảnh báo, khuyến cáo PCTT của chính quyền địa phương; -Chủ động, sẵn sàng sơ tán khi có lệnh di dời của CQ địa phương;</p>		
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Không có loa cầm tay - 5% hộ không có điện thoại -95% hộ không có đài radio -Không có bộ âm li di động -Tăng âm loa đài công suất nhỏ - Chưa có biển cảnh báo nơi có nguy cơ cao Quốc lộ 49B từ cầu Vân Trình đến giáp ranh xã Điền Môn. -30% hộ không tiếp cận được hệ thống Internet *TCXH: -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được làm thường xuyên. -40% phụ nữ không quan tâm đến kiến thức PCTT, BĐKH ; - Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong phòng chống thiên tai còn hạn chế. *NTKN: Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai; -40% người dân thiếu kiến thức, kinh nghiệm PCTT;</p>	<p>*VC: -100% Hộ có ti vi -95% hộ có điện thoại. -Đài truyền thanh của xã hoạt động tốt. -100% hộ dân tiếp cận với đài truyền thanh của xã, thông tin truyền thanh của thôn. -99 hộ tiếp cận hệ thống mạng Internet và công nghệ thông tin; *TCXH: -Thường xuyên thông báo diễn biến thiên tai đến các hộ dân khi có sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT xã; Phân công trực 24/24. -Đến hộ gia đình thông báo khi cần thiết -Huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ thiếu nhân lực di dời; -Tổ chức hội nghị triển khai KPPCTT đến các hộ dân; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức theo dõi thông tin truyền truyền, dự báo cảnh báo, khuyến cáo PCTT của chính quyền địa phương; -Chủ động, sẵn sàng sơ tán khi có lệnh di dời của CQ địa phương;</p>	<p>-Hệ thống truyền thanh hư hỏng -Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra và tác động của BĐKH</p>	Trung bình	
Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC: -Không có loa cầm tay; -10% hộ không có ti vi - 5% hộ không có điện thoại -95% hộ không có đài radio</p>	<p>*VC: -97% Hộ có ti vi -95% hộ có điện thoại . --Đài truyền thanh của xã hoạt động tốt -95% hộ dân tiếp cận với</p>	<p>-Hệ thống truyền thanh hư hỏng Người có</p>	Trung bình	

			<p>-Không có bộ âm li di động -Tăng âm loa đài công suất nhỏ. *TCXH: -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được làm thường xuyên. -40% phụ nữ không quan tâm đến kiến thức PCTT, BĐKH ; - Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong phòng chống thiên tai còn hạn chế. *NTKN: Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai; -40% người dân thiếu kiến thức, kinh nghiệm PCTT;</p>	<p>đài truyền thanh của xã, thông tin truyền thanh của thôn . -141 hộ tiếp cận hệ thống mạng Internet và công nghệ thông tin; *TCXH: -Thường xuyên thông báo diễn biến thiên tai đến các hộ dân khi có sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT xã; Phân công trực 24/24. -Đến hộ gia đình thông báo khi cần thiết -Huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ thiếu nhân lực di dời; -Tổ chức hội nghị triển khai KPPCTT đến các hộ dân; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức theo dõi thông tin truyền thanh, dự báo cảnh báo, khuyến cáo PCTT của chính quyền địa phương; -Chủ động, sẵn sàng sơ tán khi có lệnh di dời của CQ địa phương;</p>	<p>nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra và tác động của BĐKH.</p>	
Trung Đồng	97	<p>*VC: -Không có loa cầm tay -10% hộ không có ti vi - 5% hộ không có điện thoại -95% hộ không có đài radio -Không có bộ âm li di động -Tăng âm loa đài công suất nhỏ -Chưa có biển cảnh báo tại 03 đập tràn. *TCXH: -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được làm thường xuyên. -40% phụ nữ không quan tâm đến kiến thức PCTT, BĐKH ; - Công tác phối hợp tuyên truyền cho nhân dân trong phòng chống thiên tai còn hạn chế. *NTKN: Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên</p>	<p>VC: -97% Hộ có ti vi -95% hộ có điện thoại . -Đài truyền thanh của xã hoạt động tốt -95% hộ dân tiếp cận với đài truyền thanh của xã, thông tin truyền thanh của thôn . - 23 hộ tiếp cận hệ thống mạng Internet và công nghệ thông tin; *TCXH: -Thường xuyên thông báo diễn biến thiên tai đến các hộ dân khi có sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT xã; Phân công trực 24/24. -Đến hộ gia đình thông báo khi cần thiết -Huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ thiếu nhân lực di dời; -Tổ chức hội nghị triển khai KPPCTT đến các hộ</p>	<p>-Hệ thống truyền thanh hư hỏng -Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra và tác động của BĐKH</p>	Trung bình	

			<p>tai; -40% người dân thiếu kiến thức, kinh nghiệm PCTT;</p>	<p>dân; *NTKN: -Đa số người dân có ý thức theo dõi thông tin truyền truyền, dự báo cảnh báo, khuyến cáo PCTT của chính quyền địa phương; -Chủ động, sẵn sàng sơ tán khi có lệnh di dời của CQ địa phương;</p>		
....	<i>Ghi chú khác</i>					

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn hán, rét hại	Thanh Hương Tây	268	<p>*VC: -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, phương tiện bảo hộ cá nhân khi thực hiện PCTT</p> <p>*TCXH: -Thôn không xây dựng KHPCTT (thực hiện theo KHPCTT của xã); tại thôn không có đội xung kích; hàng năm không được diễn tập về PCTT,cứu hộ cứu nạn. -Ban mặt trận thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, nước sạch vệ sinh môi trường, sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn</p> <p>*NTKN: -70% người dân không biết bơi; 95% phụ nữ không biết bơi. -Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT -Một số hộ dân còn chủ quan; Các hộ không biết khi đi sơ tán cần mang theo gì. -20% hộ dân không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm đi sơ tán. -Một số hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp vật tư phương tiện cho PCTT, không</p>	<p>*VC: Có nơi sơ tán đến: Nhà cao tầng, trường tiểu học, Trụ sở UBND, nhà văn hóa xã là nơi sơ tán cho các hộ dân;</p> <p>*TCXH: -Ban mặt trận thôn huy động lực lượng các đoàn thể hỗ trợ các gia đình neo đơn, gia đình chính sách di dời, sơ tán... -Thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai trên hệ thống loa truyền thanh để các hộ được biết ; -Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại.</p> <p>*NTKN: -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm về PCTT, có kỹ thuật chằng chống, gia cố nhà cửa. -80% hộ biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi có thiên tai</p>	Các thành viên ban mặt trận thôn có nguy cơ bị thiệt hại về người khi thực hiện PCTT;	Trung bình

			chủ động di dời khi có lệnh của Ban chỉ huy PCTT xã;			
Thanh Hương Đông	150	<p>*VC: -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, phương tiện bảo hộ cá nhân khi thực hiện PCTT</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thôn không xây dựng KHPCTT (thực hiện theo KHPCTT của xã); tại thôn không có đội xung kích; hàng năm không được diễn tập về PCTT, cứu hộ cứu nạn. -Ban mặt trận thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, nước sạch vệ sinh môi trường, sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% người dân không biết bơi; 95% phụ nữ không biết bơi. -Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT -Một số hộ dân còn chủ quan; Các hộ không biết khi đi sơ tán cần mang theo gì. -20% hộ dân không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm đi sơ tán. -Một số hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp vật tư phương tiện cho PCTT, không chủ động di dời khi có lệnh của Ban chỉ huy PCTT xã; 	<p>*VC: Có nơi sơ tán đến: Nhà cao tầng, trường trường mầm non, Trạm y tế là nơi sơ cấp cứu, sơ tán cho các hộ dân;</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ban mặt trận thôn huy động lực lượng các đoàn thể hỗ trợ các gia đình neo đơn, gia đình chính sách di dời, sơ tán... -Thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai trên hệ thống loa truyền thanh để các hộ được biết ; -Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm về PCTT, có kỹ thuật chằng chống, gia cố nhà cửa. -80% hộ biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi có thiên tai 	Các thành viên ban mặt trận thôn có nguy cơ bị thiệt hại về người khi thực hiện PCTT;	Trung bình	
Thanh Hương Lâm	216	<p>*VC: -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, phương tiện bảo hộ cá nhân khi thực hiện PCTT</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thôn không xây dựng KHPCTT (thực hiện theo KHPCTT của xã); tại thôn không có đội xung kích; hàng năm không được diễn tập về PCTT, cứu hộ cứu nạn. -Ban mặt trận thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, nước sạch vệ sinh môi trường, sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% người dân không biết 	<p>*VC: Có nơi sơ tán đến: Nhà cao tầng, trường mầm non, Trường tiểu học làm nơi sơ tán cho các hộ dân;</p> <p>*TCXH: Ban mặt trận thôn huy động lực lượng các đoàn thể hỗ trợ các gia đình neo đơn, gia đình chính sách di dời, sơ tán...</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai trên hệ thống loa truyền thanh để các hộ được biết ; -Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các hộ gia 	Các thành viên ban mặt trận thôn có nguy cơ bị thiệt hại về người khi thực hiện PCTT;	Trung bình	

			<p>bơi; 95% phụ nữ không biết bơi.</p> <p>-Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>-Một số hộ dân còn chủ quan; Các hộ không biết khi đi sơ tán cần mang theo gì. -20% hộ dân không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm đi sơ tán.</p> <p>-Một số hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp vật tư phương tiện cho PCTT, không chủ động di dời khi có lệnh của Ban chỉ huy PCTT xã;</p>	<p>đình bị thiệt hại.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ dân có kinh nghiệm về PCTT, có kỹ thuật chằng chống, gia cố nhà cửa.</p> <p>-80% hộ biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi có thiên tai</p>		
	Trung Đồng	97	<p>*VC: -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, phương tiện bảo hộ cá nhân khi thực hiện PCTT; Không có nhà tránh trú thiên tai; thôn không có nhà kiên cố để làm nơi sơ tán;</p> <p>*TCXH:</p> <p>-Thôn không xây dựng KHPCTT (thực hiện theo KHPCTT của xã); tại thôn không có đội xung kích; hàng năm không được diễn tập về PCTT,cứu hộ cứu nạn.</p> <p>-Ban mặt trận thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, nước sạch vệ sinh môi trường, sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn</p> <p>*NTKN:</p> <p>-70% người dân không biết bơi; 95% phụ nữ không biết bơi.</p> <p>-Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>-Một số hộ dân còn chủ quan; Các hộ không biết khi đi sơ tán cần mang theo gì. -20% hộ dân không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm đi sơ tán.</p> <p>-Một số hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp vật tư phương tiện cho PCTT, không chủ động di dời khi có lệnh của Ban chỉ huy PCTT xã;</p>	<p>*VC:</p> <p>*TCXH: Ban mặt trận thôn huy động lực lượng các đoàn thể hỗ trợ các gia đình neo đơn, gia đình chính sách di dời, sơ tán...</p> <p>-Thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai trên hệ thống loa truyền thanh để các hộ được biết ;</p> <p>-Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại.</p> <p>*NTKN:</p> <p>-Đa số các hộ dân có kinh nghiệm về PCTT, có kỹ thuật chằng chống, gia cố nhà cửa.</p> <p>-80% hộ biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi có thiên tai</p>	Các thành viên ban mặt trận thôn có nguy cơ bị thiệt hại về người khi thực hiện PCTT;	Cao
....	Ghi chú khác					

16. Giới trong PCTT và BDKH:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn hán, rét hại	Thanh Hương Tây	268	<p>Đa số các hộ chủ hộ là phụ nữ, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo gia đình có nhà ở thiếu kiên cố;</p> <p>-Phụ nữ đơn thân: 42;</p> <p>-Phụ nữ làm chủ hộ : 36</p> <p>-95% phụ nữ không biết bơi</p> <p>- Thiếu nhân lực di dời sơ tán , PCTT</p> <p>-Thiếu việc làm, thu nhập thấp;</p> <p>- Phụ nữ chưa được tham gia tập huấn (90% nam tham gia tập huấn.). Một mặt do tâm lý ngại tham gia, ít được mời tham gia</p> <p>-Truyền truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.</p> <p>-Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội.</p> <p>-Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội;</p> <p>-Nhận thức của đa số chị em phụ nữ ngại tham gia các hoạt động xã hội (trừ hoạt động do Hội phụ nữ tổ chức);</p>	<p>Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;</p> <p>-Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.</p> <p>-Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>- Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.</p> <p>-Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.</p> <p>-Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn</p>	<p>-Nhà ở bị sập, hư hỏng</p> <p>- Thiếu việc làm, thu nhập thấp.</p> <p>-Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai và sự thay đổi đột ngột của thời tiết;</p>	Cao
	Thanh Hương Đông	150	<p>-Phụ nữ đơn thân: 46</p> <p>-Phụ nữ làm chủ hộ : 70</p> <p>- Các hộ gia đình có nhà ở thiếu kiên cố</p> <p>- Thiếu nhân lực di dời sơ tán , PCTT</p> <p>-Thiếu việc làm, thu nhập thấp</p> <p>- Phụ nữ chưa được tham gia tập huấn (90% nam tham gia</p>	<p>- Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;</p> <p>-Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.</p> <p>-Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>- Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu</p>	<p>-Nhà ở bị sập, hư hỏng</p> <p>- Thiếu việc làm, thu nhập thấp,</p> <p>-Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai và sự thay đổi đột ngột của</p>	Cao

			<p>tập huấn).</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội -Truyền truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội. -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. 	<p>trong gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình. -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn 	<p>thời tiết.</p>	
	Thanh Hương lâm	216	<ul style="list-style-type: none"> -Phụ nữ đơn thân: 3 -Phụ nữ làm chủ hộ: 32 - Các hộ gia đình có nhà ở thiếu kiên cố - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT -Thiếu việc làm, thu nhập thấp - Phụ nữ chưa được tham gia tập huấn (90% nam tham gia tập huấn). -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội -Truyền truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội. -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình; -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó. -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương. - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình. -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình. -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn 	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà ở bị sập, hư hỏng - Thiếu việc làm, thu nhập thấp, -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai và thay đổi đột ngột của thời tiết. 	Cao
	Trung Đồng	97	<p>Phụ nữ đơn thân: 12</p> <p>Phụ nữ làm chủ hộ : 32</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình có nhà ở thiếu kiên cố - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT -Thiếu việc làm, thu nhập thấp - Phụ nữ chưa được tham gia tập huấn kiến thức về trồng trọt chăn nuôi (70% nam tham gia tập huấn). -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình; -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó. -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương. - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình. -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình. -Vai trò lãnh đạo nam 	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà ở bị sập, hư hỏng - Thiếu việc làm, thu nhập thấp, -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai và thay đổi đột ngột của thời tiết. 	Cao

			<p>-Truyền truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.</p> <p>-Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội.</p>	nhiều hơn		
....	<p>Ghi chú khác: Giới trong PCTT, BĐKH địa phương đã và đang rất quan tâm đến việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về PCTT, BĐKH cho cả nam và nữ. Tuy nhiên qua đánh giá thì tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động về PCTT tỷ lệ thấp: Thành viên Ban Chỉ huy PCTT của xã 24 người nhưng chỉ có 03 nữ tham gia (chiếm tỷ lệ 12,5%); lực lượng thanh niên xung kích 60 người, trong đó nữ 04 (chiếm 6,6%); Mặt khác chị em phụ nữ ngại tham gia các lớp tập huấn, hội nghị vì vậy kiến thức, kỹ năng về PCTT, BĐ KH của chị em phụ nữ còn hạn chế;</p>					

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn ...					
....	Ghi chú khác					

C. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp
1	- Nhà ở vùng nguy cơ cao, nhà kém an toàn, có nguy cơ bị sụp đổ, hư hỏng khi thiên tai xảy ra và tác động	- Số nhà ở vùng có nguy cơ cao 387, nhà bán kiên cố 509, nhà thiếu kiên cố 22 nhà; -Có 156 hộ phụ nữ làm chủ hộ, 97 hộ là phụ nữ đơn thân thiếu nhân lực	- Thiếu kinh phí, kinh tế còn nhiều khó khăn, chưa xây dựng được nhà kiên cố - Vùng nhân dân ở thấp trũng, xa khu dân cư tập trung. -Một số hộ chủ quan	- Hỗ trợ kinh phí để gia cố nhà cửa cho các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình; - Hỗ trợ vay vốn để xây dựng nhà kiên cố an toàn trước thiên tai, thích ứng với BĐKH - Hỗ trợ nhân công và nguyên vật liệu để xây dựng hoặc gia cố nhà

	của BĐKH.	chăng chống nhà cửa, thiếu kinh phí tu sửa, nâng cấp nhà trước thiên tai.	không gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai -Thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa đặc biệt các hộ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình. -Có 70% hộ gia đình không có kiến thức, kinh nghiệm chằng chống nhà cửa.	cửa quan tâm đến các hộ gia đình phụ nữ là trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân; -Tuyên truyền kiến thức kỹ năng về chằng chống nhà cửa, xây dựng nhà an toàn cho các hộ. -Tập huấn, tuyên truyền kiến thức PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu cho các hộ dân; các hộ có phụ nữ là trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân. -Huy động nhân lực hỗ trợ các hộ gia đình phụ nữ là trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân chằng chống nhà cửa trước thiên tai.
2	Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai, BĐKH	- Diện tích đất nông nghiệp nằm ở vùng thấp trũng -Một số hộ dân còn thiếu kiến thức, khoa học kỹ thuật trồng và chăm sóc lúa hoa màu. - Chưa có quy hoạch vùng trồng rau màu an toàn, công nghệ cao	- 8,95 km kênh mương thủy lợi làm bằng đất, chưa được kiên cố, bê tông hóa - Chưa thường xuyên nạo vét kênh mương, con khe - Giống lúa, giống cây trồng chưa phù hợp để thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác và nuôi trồng - Một số hộ còn chủ quan trong lịch thời vụ và chọn giống. - Chưa liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm	- Hỗ trợ kinh phí để kiên cố hóa kênh mương. - Thường xuyên nạo vét các kênh mương nội đồng. - Kịp thời cung cấp các loại giống và các chính sách hỗ trợ giống lúa và giống cây trồng năng suất cao. Mở rộng diện tích trồng lúa theo mô hình Việt GAP - Tuyên truyền và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quan tâm đến phụ nữ, các hộ có phụ nữ làm trụ cột, phụ nữ đơn thân . -Khuyến cáo các hộ dân dự trữ giống hoa màu ngăn ngày thay thế. - Hướng dẫn tập huấn kỹ thuật phòng tránh rét cho cây trồng vật nuôi; ưu tiên đối tượng là phụ nữ tham gia . -Nhân rộng mô hình trồng trọt chăn nuôi có giá trị kinh tế cao, an toàn thực phẩm, thích ứng với BĐKH, liên doanh, liên kết tìm

				đầu ra cho sản phẩm.
3	Gia súc, gia cầm bị chết, trôi, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra, BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chuồng trại làm tạm bợ - Một số hộ chủ quan, thiếu kiến thức phòng trừ bệnh cho gia súc, gia cầm - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa mạnh dạn đầu tư vốn chăn nuôi tập trung. - Chưa tìm được đầu ra ổn định 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chưa được kiên cố - Một số hộ vẫn còn chủ quan, chưa tuân thủ theo lịch tiêm phòng dịch bệnh gia súc gia cầm - Việc chôn, lấp xác súc vật, gia súc gia cầm chưa triệt để, vẫn còn hiện tượng vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường - Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi (chủ yếu theo kinh nghiệm). - Chưa tập trung chăn nuôi thành hàng hóa, chưa liên doanh, liên kết để tìm đầu ra ổn định - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa có nguồn thức ăn ổn định 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vốn, nguyên vật liệu, nhân công để gia cố và xây dựng lại chuồng trại kiên cố đảm bảo an toàn trước thiên tai và thích ứng BĐKH; - Chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, định hướng chăn nuôi gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao. Quy hoạch Nhân rộng mô hình chăn nuôi theo hình thức gia trại, trang trại - Mở rộng diện tích trồng cỏ, hướng dẫn người dân dự trữ thức ăn cho gia súc gia cầm. - Hỗ trợ cung cấp con giống tốt đạt năng suất cao cho người dân. - Có các biện pháp chế tài đối với các hộ chưa chấp hành theo lịch tiêm phòng dịch bệnh. - Quy hoạch vùng để xử lý xác súc vật; vận động, hỗ trợ các hộ dân chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas góp phần giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường; - Phun tiêu độc khử trùng chuồng trại sau thiên tai;
4	Đường giao thông liên thôn bị sạt lở khi thiên tai xảy ra, tác động của BĐKH.	<ul style="list-style-type: none"> - 11,62km đường giao thông ngõ, xóm chưa được bê tông hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kinh phí đầu tư XD - Khả năng vận động nguồn lực còn thấp; Một bộ phận người dân chưa tích cực tham gia đóng góp 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nguồn kinh phí để xây dựng, mở rộng đường giao thông liên thôn từ các chương trình, dự án, nguồn ngân sách của Nhà nước ; . - Vận động nhân dân tham gia đóng góp, bảo quản sử dụng đường giao thông liên thôn.
5	Nhà văn hóa các thôn có	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà văn hóa bán kiên cố, xây dựng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kinh phí để nâng cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân đóng góp cùng với Nhà nước tu sửa, nâng

	nguy cơ bị tốc mái, sụp đổ	đã lâu, bị xuống cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn kinh phí của Nhà nước đang còn hạn chế. - Khả năng vận động nguồn lực tại chỗ còn hạn chế. 	<p>cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kêu gọi các tổ chức, cá nhân xây dựng 02 nhà văn hóa thôn/ nhà tránh trú thiên tai.(Thôn Trung Đồng, Thôn Thanh Hương Lâm);
6	Hệ thống thủy lợi bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra, tác động của BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> - 06 con khe còn hẹp, chưa được bê tông hóa; 03 km đê giăng cát; - 11,7 km kênh mương chưa kiên cố tại các thôn; Thanh Hương tây, thanh hương Lâm và Thanh Hương Đông; 	<ul style="list-style-type: none"> - Không được nạo vét thường xuyên - Chưa được đầu tư xây dựng - Một số hộ tham gia đóng góp còn hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có kế hoạch nạo vét thường xuyên - Vận động nhân dân tham gia đóng góp cùng với nguồn vốn của Nhà nước để đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương. -Kiên cố hóa 11,7km kênh mương và 06 con khe; -Xây dựng 3km đê giăng cát, 0,7 km đê sông Ô Lâu
7	Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước khi thiên tai xảy ra, tác động của BĐKH.	<ul style="list-style-type: none"> - Còn lại một số hộ đang sử dụng nhà vệ sinh tạm bợ - 100% hộ dân thôn Trung Đồng đang sử dụng giếng khoan - Ý thức bảo vệ môi trường của một số hộ dân còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Do ô nhiễm nguồn nước - Xác động vật, thực vật bị chết, thối rữa không kịp xử lý - Thiếu kiến thức về vệ sinh môi trường, BĐKH. - Công tác tuyên truyền vận động về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế, đặc biệt trước trong và sau thiên tai xảy ra - Không có hệ thống cống rãnh thoát nước trong khu dân cư -Khu vực chợ còn chưa đảm bảo vệ sinh, một số hộ kinh doanh còn chưa chấp hành tốt công tác VSMT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch tiêu độc, khử trùng thường xuyên - Tiêm phòng các dịch bệnh cho người và gia súc gia cầm. - Tuyên truyền, vận động nhân dân dọn dẹp làm vệ sinh môi trường. Tập huấn kiến thức xử lý xác súc vật chết. - Tuyên truyền, vận động người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh xung quanh nơi ở, khu dân cư; -Quy hoạch,hướng dẫn các hộ xây dựng cống rãnh thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt -Có biện pháp xử lý đối với các hộ kinh doanh khu vực chợ không chấp hành vệ sinh môi trường.

<p>8</p> <p>Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 02 thôn không có nhà văn hóa, 02 thôn nhà văn hóa không an toàn khi thiên tai xảy ra - Thiếu các trang thiết bị cá nhân về cứu hộ cứu nạn từ xã đến các thôn. - Thiếu kiến thức PCTT, BDKH; thiếu kinh nghiệm, năng lực PCTT, thích ứng BDKH - Ý thức chủ quan trong việc sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nguồn lực còn khó khăn; một số hộ dân chưa tham gia tích cực. - Một số các hộ dân còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, BDKH - Các hộ còn chưa chủ động chặt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai; Khi đi đánh bắt không mang áo phao và các phương tiện cảnh báo. - Các hộ dân chưa chủ động trang bị bảo hộ cá nhân, cứu hộ cứu nạn - Không có biển cảnh báo ở vị trí có nguy cơ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục kêu gọi vận động nguồn lực xây dựng àn nhà tránh trú cộng đồng tại thôn Thanh Hương Đông. - Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho lực lượng tham gia công tác PCTT từ xã đến thôn - Nâng cao kiến thức về PCTT, Cứu hộ cứu nạn cho người dân (quan tâm đến phụ nữ, trẻ em); - Tổ chức diễn tập PCTT, BDKH. - Vận động các hộ đánh bắt mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn và phương tiện cảnh báo - Cấm biển cảnh báo nơi có nguy cơ cao.(4 đập tràn và quốc lộ 49B); - Tuyên truyền các hộ dân tập bơi cho trẻ em, phụ nữ.
<p>9</p> <p>Nuôi trồng thủy sản mất con giống; mất sản lượng</p> <p>Đánh bắt thủy sản hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ mất thu nhập.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 295,91 ha nuôi trồng thủy sản ở vùng có nguy cơ cao do bão. - 3,5ha nuôi cá nước ngọt nằm ở vùng nguy cơ cao do lũ - 22 thuyền đánh bắt gần bờ - Chưa có nơi neo đậu cho thuyền đánh bắt gần bờ - Các phương tiện hậu cần tại chỗ còn thiếu. Các thôn hậu cần tại chỗ không có chủ yếu tập trung ở các hộ dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyền nhỏ, đánh bắt gần bờ, thiếu các trang thiết bị bảo hộ và thiết bị cảnh báo. - Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, BDKH - Chưa có nơi tránh trú thiên tai cho tàu thuyền. - Chưa được trang bị kiến thức neo đậu tàu thuyền an toàn - Một bộ phận người dân chủ quan, chưa chấp hành chỉ đạo của BCH PCTT&TKCN của địa phương (khi có thông báo) - Chưa quy hoạch nước xả thải nuôi trồng thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vay vốn đóng tàu lớn đánh bắt xa bờ. - Tạo công ăn việc làm cho lực lượng phụ nữ, người cao tuổi phù hợp với ngành nghề của địa phương (như đan vá lưới) - Thường xuyên Tổ chức tập huấn kiến thức về PCTT và BDKH cho những lao động đánh bắt. - Có biện pháp xử lý hành chính đối với các hộ không chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo về PCTT - Quy hoạch vùng xây dựng hồ lắng nước xả thải, Khi hết hợp đồng với các hộ nuôi tôm (thời gian đầu giá là 5 năm). - Tập huấn tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, nguồn hải sản khi

			<p>xả thải trực tiếp ra môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn kiến thức BVMT, bảo vệ nguồn nước - Các hộ nuôi tự phát, không nuôi theo thời vụ; nguồn con giống không đảm bảo chất lượng ổn định. 	<p>đánh bắt, nuôi trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, vận động khuyến cáo các hộ nuôi trồng theo lịch thời vụ. - Tăng cường năng lực cho Hợp tác xã NN để đi vào hoạt động có hiệu quả.
--	--	--	--	---

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến			Nguồn ngân sách dự kiến		
				Ngắn hạn (1-2 năm)	Trung hạn (2-3 năm)	Dài hạn (4-5 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
1. An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao năng lực cho cộng đồng về PCTT, Thích ứng với BĐKH	Toàn xã	Tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH cho người dân; Phụ nữ, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình	x			30%	20%	GCF 50%
			Hỗ trợ các hộ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, các hộ có các đối tượng DBTT di dời, sơ tán, thu hoạch lúa, hoa màu khi có thể	x			x		

			Các điểm di dời đến (khi sơ tán) cần bố trí khu vệ sinh, nơi ở cho nam và nữ		x		x		
2.Hạ tầng công cộng (Điện, Đường,	Nâng cấp đường dây điện chiếu sáng từ công tơ đến các hộ gia đình	Toàn dân	Vận động nguồn lực nâng cấp hệ thống điện lưới	x				30%	Ngày nh điện 70%
	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đảm bảo an toàn cho dân sinh và PCTT	4/4 thôn	Bê tông hóa 11,62 km đường giao thông ngõ, xóm		x		70%	30%	
3.Thủy lợi	Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu, an toàn cho người dân	3/4 thôn	1.Đầu tư bê tông hóa 9.385km đường giao thông nội đồng		x		70%	30%	
		4/4 thôn	2.Kiên cố hóa 0,7km đê sông Ô Lâu		x		100%		
		4/4thôn	3.Đầu tư xây dựng kiên cố hóa 10,43 km kênh mương		x		70%	30%	
		3/4 thôn	4.Đầu tư kiên cố hóa 06 con khe		x		100%		
		3/4 thôn	5.Đầu tư xây dựng 3km đê giăng cát tại Thanh Hương Tây, Thanh Hương Lâm				X	100%	

		Người dân	6.Tu bổ nâng cấp trạm bơm nước Thanh hương Đông	x			70%	30%	
		Toàn dân	7.Đầu tư xây dựng kiên cố hóa 10,43 km kênh mương thủy lợi				70%	30%	
		4/4 thôn	8.Đầu tư, nâng cấp 15 cống thủy lợi xuống cấp		x		70%	30%	
4.Nhà ở	Nâng cao chất lượng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở thiếu kiên cố, bán kiên cố	Các hộ dân	1. Vận động nguồn lực xây dựng 22 nhà thiếu kiên cố .	x			10%	50%	GC F 40%
			2. Hỗ trợ, tư vấn cho 509 nhà bán kiên cố tu sửa, nâng cấp nhà an toàn		x		10%	70%	20 %
			3. Hỗ trợ xây nhà tránh trú cộng đồng thôn Trung Đồng, thôn Thanh Hương lâm		x			70%	GC F 30%
5.Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Nâng cao năng lực địa phương về nước sạch vệ sinh môi trường thích ứng với BĐKH	Người dân toàn xã	1.Lắp đặt hệ thống nước máy cho 97 hộ tại thôn Trung Đồng		x		70%	30%	
			2.Tập huấn, tuyên truyền kiến thức vệ sinh môi trường, hướng dẫn cách tiêu độc khử trùng, xử lý súc vật chết sau thiên tai	x			40%	30%	30%
			3.Vận động hỗ trợ 13 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x				100%	
			4. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về	x	x		100%		

			VSMT.						
			5.Tuyên truyền vận động, hỗ trợ các hộ chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas	x			50%	50%	
6.Y tế và quản lý dịch bệnh	Nâng cao kiến thức chăm sóc sức khỏe, nước sạch vệ sinh môi trường cho người dân	Toàn xã	1.Tuyên truyền kiến thức sức khỏe vệ sinh môi trường cho người dân	Hàng năm			100%		
			2.Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chị em phụ nữ kiến thức chăm sóc sức khỏe trong và sau thiên tai	x			70%	30%	
			3. Tổ chức khám và tư vấn về sức khỏe sinh sản cho chị em phụ nữ				100%		
			4.Tổ chức khám chữa bệnh cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và phụ nữ	X			30%		Các nhà hảo tâm 70%
			5.Hướng dẫn các hộ dân trồng và sử dụng thuốc nam thông thường	x			100%		
			6.Tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích, tham gia PCTT, 22 hộ đánh bắt.	x			30%	20%	50%
7.Giáo dục	Nâng cao kiến thức	Giáo viên,	1.Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH	x			50%		50%

	PCTT, BDKH, kiến thức về giới, giới tính và bình đẳng giới	học sinh	2. Tổ chức truyền thông, hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH...	x			100%		
			3. Hỗ trợ bề bơi cho các nhà trường	x			30%		70%
			4. Tổ chức dạy bơi cho các em học sinh	x			50%	50%	
8. Trồng rừng	Mở rộng diện tích rừng phân tán và rừng hiện có	Các hộ gia đình	1. Tổ chức trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán		x		20%	80%	
			2. Hướng dẫn các hộ dân trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao khu vực dân cư		x		50%	50%	
			3. Quy hoạch, tìm đầu ra cho cây ăn quả có giá trị kinh tế cao				100%		
			4. Tuyên truyền kiến thức phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân	x			100%		
			Trang cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân cho lực lượng bảo vệ rừng (nam)	x			100%		
9. Trồng trọt	Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và chuyển giao KHKT trồng	Phụ nữ toàn xã	1. Tập huấn kiến thức, kỹ thuật trồng trọt (ưu tiên phụ nữ, phụ nữ trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân); Nhân rộng mô hình trồng	x			100%		

	trọt tạo công n việc làm ho phụ nữ	Toàn xã	rau an toàn, mô hình trồng cây ném, hoa quả có giá trị kinh tế cao.						
			2.Khuyến cáo các hộ dân trồng các loại rau màu có giá trị kinh tế cao, sử dụng phân bón hữu cơ đảm bảo an toàn thực phẩm		x		100%		
			3.Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho các sản phẩm từ các loại rau màu		x		100%		
			4.Tập trung sản xuất lúa theo hướng Việt GAP;.Tập huấn chuyên giao KHKT trồng trọt cho các hộ dân	x			50%		50%
10.Chăn nuôi	Tập huấn chuyên giao KHKT về chăn nuôi	Toàn xã	1. Tập huấn chuyên giao KHKT chăn nuôi gia súc, gia cầm; Hỗ trợ đầu tư vốn, ưu tiên tập huấn cho các hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ trụ cột gia đình.	x			50%	20%	GC F 30%
			2.Chuyển phương thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại tập trung.	x			50%	50%	
			3.Tạo vùng nguyên liệu (trồng cỏ) thức ăn gia súc	x			30%	50%	
			3. Liên doanh,liên kết, tìm đầu ra cho sản phẩm		x		50%	50%	
11.Thủy	Hỗ trợ vay	Các hộ	1. Hỗ trợ vay vốn đóng	x			70%	30%	

sản	vốn đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	đánh bắt nuôi trồng	thuyền đánh bắt xa bờ						
			2.Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH kỹ năng sơ cấp cứu cứu hộ, cứu nạn cho lao động đánh bắt	x			30%	20%	GC F 50%
			3..Quy hoạch nơi neo đậu tàu thuyền		x		x		
			4.Tập huấn, hướng dẫn cách neo đậu tàu thuyền theo đúng kỹ thuật cho nam giới (22 Chủ tàu thuyền thôn Trung Đồng).	X			100%		
			5 Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho các hộ nuôi trồng thủy sản	x			30%	20%	GC F 50%
	Nâng cao kiến thức về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới cho cả nam và nữ.	Nam/ nữ toàn xã	1.Tổ chức tập huấn cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình; bảo vệ bà mẹ trẻ em ...	x			100%		
			2. Tuyên truyền cho nam, nữ về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới	x	x		100%		
Phòng	Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chử thập đỏ	Đội xung kích cứu hộ, cứu nạn xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn	X			30%		GC F 70%
			2.Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích CTĐ và sơ cấp cứu	x			30%		GC F 70%

chống thiên tai, BDKH	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn	Người dân vùng nguy cơ cao, 22 hộ dân có nhà ở thiếu kiên cố và 509 hộ dân có nhà ở bán kiên cố.	1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình.	x			100%		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x			50%	50%	
			3. Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết khi đi sơ tán	x			100%		
	Nâng cao kiến thức PCTT, BDKH cho cộng đồng		1. Tập huấn PCTT, BDKH cho người dân và học sinh các trường học	x			30%	20%	GC F 50%
			2. Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH qua hệ thống loa truyền thanh	x	x		100%		
			3. Lắp đặt Pano, áp phích có nội dung phòng tránh thiên tai, BDKH tại các nơi công cộng (UBND xã, trường học, chợ)		x				GC F 100 %
			4. Diễn tập PCTT, BDKH	x			30%	20%	GC F 50%
			5. Cắm biển cảnh báo tại 04 đập tràn thôn Trung Đồng và đường Quốc lộ 49B	x			100%		

			6.Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH.	x	x		50%	50%	
			7. Xử lý vệ sinh môi trường sau thiên tai	x			30%	70%	
Lĩnh vực bình đẳng giới	Nâng cao năng lực về PCTT cho cả nam và nữ		Cơ cấu hợp lý tỷ lệ nam và nữ vào Ban chỉ huy PCTT, BDKH của xã, thôn	x			100%		
			Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho cả nam và nữ, ưu tiên cho nữ làm lãnh đạo nhóm trong PCTT, BDKH	x			100%		
			Tăng cường truyền thông kiến thức về giới trong trường học và các tổ chức xã hội	x			100%		

1.Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

Điền Hương là xã thấp trũng, vùng ven biển hàng năm phải đối mặt với nhiều rủi ro của thiên tai, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, trình trạng nhà ở còn bán kiên cố; các con khe làng, giăng cát, kênh mương đa số chưa được bê tông hóa, rủi ro thiên tai thường xuyên đe dọa đến đời sống của nhân dân.

2.Một số ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND xã

UBND xã đánh giá cao kết quả tập huấn, đánh giá của nhóm HTKT với sự hỗ trợ tích cực của nhóm giảng viên. Đặc biệt báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai đã đánh giá thực trạng của địa phương về điểm mạnh, điểm yếu trong công tác PCTT từ hộ gia đình, thôn, xã; giúp người dân địa phương biết cách xác định được những rủi ro thiên tai, tìm ra nguyên nhân và đưa ra được những giải pháp thực hiện cho địa phương trong những năm tới đây về PCTT nói riêng và phát triển KT-XH của địa phương nói chung; Lãnh đạo UBND xã giao nhiệm vụ cho nhóm HTKT, nhóm cộng đồng tiếp tục tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCHCN xã hàng năm chịu trách nhiệm cập nhật kế hoạch PCTT, thích ứng với BDKH sát với thực tế của địa phương.

Để có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Điền Hương chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế-xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên

tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Điền Hương kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, Ban quản lý dự án GCF quan tâm hỗ trợ:

- Kinh phí làm nhà cho 22 hộ có nhà ở kém an toàn;
- Kinh phí tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho cán bộ xã, thôn, trường học và nhân dân; Pa nô áp phích và tài liệu truyền truyền;
- Hỗ trợ xây dựng đường giao thông liên thôn, giao thông nội đồng để đảm bảo đi lại an toàn cho người dân;
- Đầu tư xây dựng 6 con khe, 03km đê giăng cát, 0,7 km đê sông Ô Lâu;
- Hỗ trợ xây dựng 02 nhà tránh trú cộng đồng thôn Thanh Hương Lâm và thôn Trung Đông
- Hỗ trợ nguồn lực bê tông hóa 18 km đường giao thông nông thôn
- Hỗ trợ trang thiết bị cứu hộ cứu nạn xã, thôn.

Địa phương mong nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành và Ban Quản lý dự án GCF nhằm từng bước giảm thiểu về rủi ro thiên tai và phát triển KT-XH của địa phương một cách bền vững./.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
(đã ký)**

**Trần Gia Duy
Phó chủ tịch UBND xã**

D. Phụ lục

Phụ lục 1: Danh sách 15 người tham gia tập huấn, đánh giá

T T	Họ tên	Đơn vị			Số điện thoại
			Nam	Nữ	
1	Trần Gia Duy	PCT UBND xã-Trưởng nhóm HTKT	x		0988160566
2	Hồ Tấn Diệp	CC –ĐC-NN xã	x		01659176443
3	Nguyễn Thái Bình	CC-VH xã hội	x		01232187301
4	Hoàng Đình Giáp Thiên	BT – Đoàn TNCSHCM	x		0935229344
5	Trần Thị Phương	CT- Hội Phụ nữ		x	0905666401
6	Trần Quốc	TT-Thanh Hương Đông	x		01679271506
7	Lê Ngọc Thành	TT. Thanh Hương Tây	x		01224517141

8	Hoàng Duy Bi	Chỉ huy trưởng QS xã	x		0935126037
9	Trần Thị Văn Giảng	CC-VP UBND xã		x	0986321385
10	Lê Quang Đạo	CC- Văn hóa xã hội	x		0977608788
11	Lê Quang Đán	CT MTTQ xã	x		01667382390
12	Lê Dũng	Hội Cựu Chiến Binh xã	x		01254530015
13	Nguyễn Tấn Hùng	TT-Thanh Hương Lâm	x		0987100133
14	Hồ Quang Tổng	CT. Hội CTĐ xã	X		01287755185

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá

Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai ⁴

Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

⁴Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



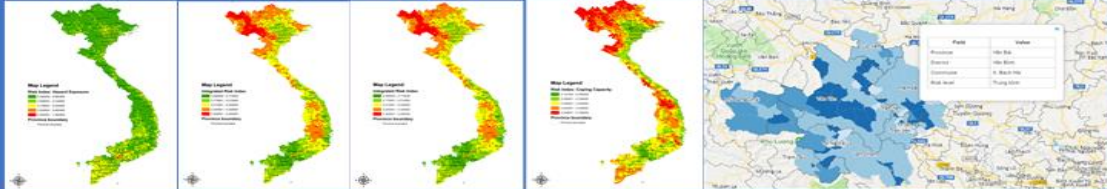
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai⁵ bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

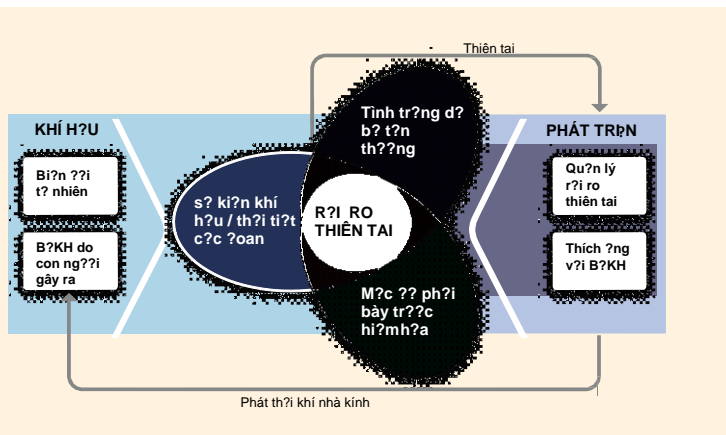
- nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau⁶;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán

⁵Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

⁶Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

về cách tiếp cận và phương pháp⁷. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đã phân tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁸: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, một bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xu hướng theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chính sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các

⁷Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai

(http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁸Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra
thể
có
thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả
ác có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên
của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.